

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TẠ KIẾN TƯỜNG

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN 2 THÀNH VIÊN TRỞ LÊN THEO
LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2014

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

HÀ NỘI, năm 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TẠ KIẾN TƯỜNG

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN 2 THÀNH VIÊN TRỞ LÊN THEO
LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2014

Ngành: Luật kinh tế

Mã số : 8380107

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS. NGUYỄN NHƯ PHÁT

HÀ NỘI, năm 2018

LỜI CẢM ƠN

Luận văn “Trách nhiệm của người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên theo Luật Doanh nghiệp năm 2014” được hoàn thành, cùng với sự nỗ lực, cố gắng của bản thân, tôi xin được gửi lời trân trọng cảm ơn đến thầy PGS.TS. Nguyễn Như Phát – Người hướng dẫn khoa học, người đã tận tình giúp đỡ, hướng dẫn, chỉ bảo tôi trong quá trình tôi triển khai đề tài và hoàn thành luận văn này.

Tôi xin chân thành cảm ơn các thầy, cô trong Hội đồng phản biện đề cương và Hội đồng phản biện luận văn góp ý giúp tôi hoàn thiện tốt hơn luận văn của mình và xin chân thành cảm ơn quý Lãnh đạo Học viện Khoa học xã hội, Khoa Luật, quý thầy cô giảng dạy, quý thầy cô cán bộ nhân viên Cơ sở Học viện Khoa học Xã hội tại TP. HCM về những kiến thức hữu ích và sự giúp đỡ tận tình mà tôi đã được tiếp nhận trong thời gian theo học tại học viện.

Học viên

Tạ Kiến Tường

LỜI CAM ĐOAN

Đề tài nghiên cứu “Trách nhiệm của người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên theo Luật Doanh nghiệp năm 2014” của luận văn này là kết quả của sự nỗ lực cố gắng, nghiêm túc tìm tòi của riêng bản thân tôi cùng với sự hướng dẫn tận tình của người hướng dẫn khoa học, thầy PGS.TS. Nguyễn Như Phát.

Trong công trình nghiên cứu này, các dữ liệu, ý kiến khoa học mà tác giả tham khảo đều được trích dẫn và thể hiện đầy đủ trong Danh mục tài liệu tham khảo.

Tôi xin cam đoan những lời trên đây là hoàn toàn đúng sự thật và tôi xin chịu toàn bộ trách nhiệm về lời cam đoan của mình.

Học viên

Tạ Kiến Tường

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	01
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN 2 THÀNH VIÊN TRỞ LÊN	08
1.1. Khái niệm người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên.....	08
1.2. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên.....	26
Tiểu kết chương 1.....	35
Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ TRONG CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN 2 THÀNH VIÊN TRỞ LÊN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2014	36
2.1. Thực trạng các quy định pháp luật về trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên.	36
2.2. Thực trạng việc thực thi trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên ở Việt Nam hiện nay	49
Tiểu kết chương 2.....	60
Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN 2 THÀNH VIÊN TRỞ LÊN.....	61
3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật quy định về trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên	61

3.2. Giải pháp hoàn thiện và bảo đảm thực hiện hiệu quả pháp luật về trách nhiệm của người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên	65
KẾT LUẬN	77
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

QLCT	: Quản lý công ty
DN	: Doanh nghiệp
LDN	: Luật doanh nghiệp
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
GĐ	: Giám đốc
TGD	: Tổng giám đốc
CT HĐQT	: Chủ tịch Hội đồng thành viên
HĐTV	: Hội đồng thành viên
BLDS	: Bộ luật dân sự
BKS	: Ban kiểm soát

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên là một trong những loại hình doanh nghiệp phổ biến và đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế, bởi lẽ nó là sự kết hợp hoàn hảo những ưu điểm của hai loại hình doanh nghiệp đối nhân và đối vốn, vì vậy nó luôn là sự lựa chọn hàng đầu của các nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư nhỏ và vừa. Hiện nay, có thể nói công ty TNHH 2 thành viên là loại hình doanh nghiệp chiếm tỷ trọng lớn nhất trong nền kinh tế, góp phần làm sinh động môi trường kinh doanh, đa dạng hoá các loại hình doanh nghiệp, huy động nhiều nguồn vốn cho sự phát triển của nền kinh tế nước ta hiện nay.

Là một pháp nhân kinh tế được thành lập trên cơ sở góp vốn của nhiều chủ sở hữu (thành viên), việc tách bạch các vai trò, địa vị của các thành phần: Công ty, chủ sở hữu công ty, người điều hành, kiểm soát, ... là một việc làm cần thiết nhằm đảm bảo cho việc quản trị và vận hành công ty đúng quy định pháp luật, đồng thời đảm bảo lợi ích chính đáng của tất cả các bên liên quan. Để hiện thực hoá điều này, việc xác định rõ và tuân thủ một cách nghiêm túc trách nhiệm của những người quản lý, điều hành công ty là một nhu cầu thiết yếu.

Thực tế thời gian qua, nhiều người quản lý, điều hành công ty TNHH 2 thành viên trở lên vì nhiều lý do đã không thực hiện đúng trách nhiệm của người quản lý trong quá trình vận hành công ty, điều này đã gây thiệt hại đến quyền, lợi ích chính đáng của những người liên quan, vi phạm pháp luật và dẫn tới những tranh chấp trong quản lý nội bộ công ty.

Những sai phạm của người quản lý, điều hành công ty diễn ra khá phổ biến dưới các hình thức như: Có thành viên kiêm nhiệm chức danh giám đốc đã không tách bạch được vai trò giám đốc với vai trò chủ sở hữu dẫn đến

việc ra quyết định không đúng thẩm quyền trong quá trình điều hành công ty, giám đốc/ tổng giám đốc lạm dụng quyền lực để tư lợi riêng, những hành vi gian lận của nhóm người điều hành công ty đối với các chủ sở hữu công ty, những giao dịch liên kết giữa những người quản lý, điều hành công ty với công ty nhằm trộm cắp tài sản công ty, ... Điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến sự lành mạnh hoá quản lý nội bộ của công ty, gây thất thoát tài sản của công ty, quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ sở hữu, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của công ty, đồng thời tác động không tốt đến môi trường kinh doanh nói chung.

Hoạt động của một doanh nghiệp chịu sự tác động rất lớn của những người “lèo lái” công ty. Do vậy, người nắm quyền quản lý, điều hành trong công ty có vị trí quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của công ty, chỉ khi họ thực hiện đúng trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của mình thì mới đem lại lợi ích cao nhất cho chủ sở hữu và cho chính công ty. Điều này đòi hỏi người quản lý phải ý thức được trách nhiệm của mình trong quá trình quản lý, điều hành công ty. Tuy nhiên vấn đề “ý thức trách nhiệm” không thể chỉ được đặt trên nền tảng đạo đức một cách đơn thuần được mà nó phải được kết hợp với những quy định chặt chẽ và toàn diện của pháp luật về công ty.

Ở Việt Nam, nếu như Luật Doanh nghiệp tư nhân 1990 và Luật Công ty 1990, gần như vắng bóng các quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý công ty, các quy định về phòng, chống giao dịch có khả năng tư lợi, thì Luật Doanh nghiệp 1999 đã tạo những bước khởi đầu cho việc xác lập trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý, cũng như cơ chế kiểm soát giao dịch có khả năng tư lợi, dù những quy định trong Luật Doanh nghiệp 1999 còn vướng phải nhiều vấn đề bất hợp lý.

Do đòi hỏi của thực tiễn kinh doanh, sự thúc bách của việc xây dựng một môi trường kinh doanh lành mạnh hướng tới hội nhập và cạnh tranh

quốc tế, trên cơ sở tiếp thu phần nào đây của kinh nghiệm nước ngoài, Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã có bước cải cách nhất định so với Luật Doanh nghiệp năm 2005 liên quan tới trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người quản lý công ty. Các quy định về vấn đề này đã được quan tâm hơn, dành nhiều dung lượng trong khuôn khổ một đạo luật chung về doanh nghiệp. Các chuẩn mực pháp lý về trách nhiệm người quản lý, kiểm soát các giao dịch tư lợi đã được nâng lên sát với các chuẩn mực pháp lý quốc tế. Mặc dù vậy, việc khắc phục những hạn chế của pháp luật về trách nhiệm của người quản lý công ty, về kiểm soát giao dịch có khả năng tư lợi trong Luật Doanh nghiệp 2014 so với Luật Doanh nghiệp 2005 vẫn chưa có được những khởi sắc như kỳ vọng của nhà đầu tư, cũng như chưa dễ dàng vận dụng vào đời sống nền kinh tế thị trường.

Vì vậy việc hoàn thiện các quy định pháp luật về trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người quản lý công ty hiện nay, tạo cơ sở để đưa những quy định này vận dụng vào nền kinh tế thị trường một cách dễ dàng là một nhu cầu cấp thiết.

Bởi những lý do kể trên, tôi lựa chọn đề tài *“Trách nhiệm của người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên theo Luật Doanh nghiệp năm 2014”* làm đề tài cho Luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Trong thời gian qua, đã có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị đi sâu tìm hiểu về công ty TNHH 2 thành viên như: Luận văn thạc sĩ *“Pháp luật về quản trị nội bộ công ty TNHH hai thành viên trở lên và thực tiễn thi hành tại tỉnh Sơn La”* của tác giả Nguyễn Trung Kiên; Luận văn *“Chế độ pháp lý về vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên”* của tác giả Phạm Thị Kim Phượng; Luận văn *“Kiểm soát giao dịch tư lợi của người*

quản lý công ty theo Luật Doanh nghiệp 2005” của tác giả Lý Đăng Thư; Luận văn “*Nghĩa vụ của người quản lý công ty theo Luật doanh nghiệp 2005 - Thực trạng và hướng hoàn thiện*” của tác giả Nguyễn Thị Thái Vân; ...

Bên cạnh đó, vấn đề quy định về người quản lý công ty cũng đã được đề cập đến trong một số bài viết, chuyên đề của các nhà khoa học trên các tạp chí khoa học pháp lý chuyên ngành như: “*Kiểm soát giao dịch tư lợi - Nhìn từ góc độ của Luật Doanh nghiệp năm 2014*” Nguyễn Hoàng Duy, 2015, Dân chủ & Pháp luật, Bộ Tư pháp; “*Một số quy định của pháp luật về kiểm soát giao dịch giữa các thành viên trong nhóm công ty*” Bùi Thị Thanh Thảo, 2015, Khoa học pháp lý, Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh; “*Sự tách bạch về quyền sở hữu và quản lý, điều hành trong quản trị công ty*” Hà Thị Thanh Bình, 2015, Nhà nước và Pháp luật, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Ngoài ra, vấn đề quy định về người quản lý công ty cũng đã được đề cập trong một số giáo trình và sách tham khảo của một số trường đại học như: *Giáo trình Pháp luật về chủ thể kinh doanh* của Trường Đại học Luật TP. HCM - PGS. TS. Bùi Xuân Hải chủ biên, Nhà xuất bản Hồng Đức; *Chuyên khảo Luật kinh tế* của PGS. TS. Phạm Duy Nghĩa, ...

Tuy nhiên những công trình nghiên cứu này hoặc đi sâu tìm hiểu về quản trị nội bộ trong công ty TNHH 2 thành viên, hoặc tìm hiểu sâu về chế độ pháp lý về vốn, về nghĩa vụ của người quản lý công ty TNHH 2 thành viên, nhưng chưa có công trình nghiên cứu chính thức nào đi sâu tìm hiểu một cách cặn kẽ và toàn diện về trách nhiệm (trong đó bao gồm thực hiện quyền và nghĩa vụ) của người quản lý công ty TNHH 2 thành viên trở lên để có cái nhìn khái quát về tình hình thực thi trách nhiệm của những người này trong quá trình vận hành công ty.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về trách nhiệm của người quản lý trong công ty TNHH 2 thành viên trở lên, phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về trách nhiệm của người quản lý trong công ty TNHH 2 thành viên trở lên ở Việt Nam hiện nay, từ đó đề xuất các định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm của người quản lý trong công ty TNHH 2 thành viên trở lên trong thời gian tới.

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu trên, luận văn có các nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

- Nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về trách nhiệm của người quản lý trong công ty TNHH 2 thành viên trở lên;
- Nghiên cứu so sánh về trách nhiệm của người quản lý trong công ty TNHH 2 thành viên trở lên trong pháp luật của một số quốc gia trên thế giới;
- Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về trách nhiệm của người quản lý trong công ty TNHH 2 thành viên trở lên ở Việt Nam hiện nay;
- Đề xuất các định hướng, giải pháp hoàn thiện về trách nhiệm của người quản lý trong công ty TNHH 2 thành viên trở lên ở Việt Nam trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những vấn đề pháp lý liên quan đến quy định trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người quản lý trong công ty TNHH 2 thành viên trở lên, về tình hình thực hiện những quyền và nghĩa vụ của người quản lý, điều hành công ty.

Phạm vi nghiên cứu của luận văn là toàn bộ các quy định của pháp luật hiện hành, mà cơ bản là Luật Doanh nghiệp 2014 về trách nhiệm, quyền và

nghĩa vụ của người quản lý trong công ty TNHH 2 thành viên trở lên, phân tích những tình huống thực tiễn gắn liền với việc thực hiện trách nhiệm của những người giữ vai trò quản lý, điều hành công ty. Thực trạng của việc thực hiện trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ người quản lý, việc kiểm soát các giao dịch tư lợi của những người quản lý, điều hành công ty, cũng như các chế tài được áp dụng đối với những hành vi vi phạm, không thực hiện đúng trách nhiệm của người quản lý trong công ty 2 thành viên trở lên. Những biện pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao vai trò trách nhiệm người quản lý công ty TNHH 2 thành viên trở lên.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài của luận văn được nghiên cứu trên cơ sở vận dụng những quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về Nhà nước và pháp luật, đường lối, quan điểm định hướng của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường trong bối cảnh hội nhập.

Trên cơ sở đó, tác giả sử dụng phối hợp nhiều phương pháp nghiên cứu như: Phân tích, tổng hợp, thống kê, khảo sát thực tiễn và luật học so sánh để làm rõ các vấn đề liên quan đến quy định về trách nhiệm người quản lý công ty TNHH 2 thành viên trở lên. Từ đó đề xuất những kiến nghị góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Luận văn là công trình khoa học nghiên cứu các quy định pháp lý về trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người quản lý trong công ty TNHH 2 thành viên trở lên. Về mặt lý luận, luận văn đưa ra cái nhìn tổng quan về người quản lý, địa vị pháp lý của họ trong công ty. Trên cơ sở phân tích, tổng hợp quy định pháp luật điều chỉnh và thực tiễn áp dụng pháp luật quy định về trách nhiệm người quản lý công ty TNHH 2 thành viên trở lên, luận văn góp phần làm sáng tỏ những vấn đề phù hợp và chưa phù hợp trong quy

định của pháp luật hiện hành về trách nhiệm người quản lý công ty TNHH 2 thành viên trở lên, qua đó có những giải pháp để góp phần hoàn thiện pháp luật doanh nghiệp, giúp cho việc quản trị công ty minh bạch, hiệu quả, bảo vệ được quyền lợi của chủ sở hữu, nhà đầu tư và những người có liên quan.

7. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, luận văn được kết cấu bởi 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về người quản lý và trách nhiệm của người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên.

Chương 2: Thực trạng pháp luật về trách nhiệm người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên ở Việt Nam hiện nay theo Luật doanh nghiệp 2014.

Chương 3: Phương hướng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ TRONG CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN 2 THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

1.1. Khái niệm người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên

1.1.1. Định nghĩa người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên

Quản lý là hoạt động cần thiết phải thực hiện khi con người kết hợp với nhau thành tập thể, thành tổ chức [14, tr. 6]. Đây là một chức năng tất yếu của lao động xã hội, nó gắn với sự phân công và phối hợp. Theo từ điển Tiếng Việt, quản lý là việc tổ chức và điều khiển các hoạt động theo các yêu cầu nhất định [23, tr. 1363]. Quản lý là sự tác động của chủ thể theo đối tượng, theo mục tiêu nhất định.

Quản lý được thể hiện dưới các dạng: Quản lý của Nhà nước, quản lý của tổ chức chính trị xã hội, quản lý của tổ chức nghề nghiệp, quản lý của tổ chức kinh doanh. Quản lý được thực hiện bằng ba loại biện pháp chủ yếu: biện pháp kinh tế; biện pháp hành chính và biện pháp giáo dục.

Quản lý được thực hiện bằng nhiều hình thức tác động như: lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, khen thưởng, xử phạt, kiểm tra, kiểm soát, thanh tra, giám sát.

Hiểu một cách đơn giản, quản lý là một khoa học, một dạng nghệ thuật và ngày càng được đề cao. Theo Mary Parker Follett, một tác giả nổi tiếng với nhiều cuốn sách viết trên khía cạnh con người và quản trị đã đưa ra định nghĩa về quản lý là: “Nghệ thuật sử dụng con người để làm việc”. Còn theo quan điểm của Henri Fayol, một người có đóng góp rất lớn cho quản trị học thì cho rằng: “Quản lý là biết được chính xác điều bạn muốn người khác làm và sau

đó hiểu được rằng họ đã hoàn thành công việc một cách tốt nhất và rẻ nhất” [6].

Từ những điểm chung của các định nghĩa trên, có thể hiểu: Quản lý là sự tác động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý và khách thể quản lý nhằm sử dụng có hiệu quả nhất tiềm năng, các cơ hội của tổ chức để đạt được mục tiêu đặt ra trong điều kiện biến động của môi trường [17, tr. 99].

Hoạt động quản lý là cả một quá trình, gồm các công việc như lập kế hoạch, thực thi kế hoạch, kiểm tra và đánh giá, là hoạt động vô cùng quan trọng, không thể thiếu được, nó có thể xuất hiện ở bất kỳ đâu, bất kỳ lĩnh vực nào, bất kỳ tổ chức nào. Karl Marx cũng đã chỉ ra rằng: “Mọi lao động xã hội trực tiếp hoặc lao động chung khi thực hiện trên quy mô tương đối lớn, ở mức độ nhiều hay ít đều cần đến quản lý” [18, tr. 35].

Dưới góc độ quản trị, người quản lý hay còn gọi là nhà quản trị, là người điều khiển và có trách nhiệm trông coi, kiểm soát công việc của những người khác. Hay, nhà quản trị là những người đứng đầu một tổ chức hoặc những bộ phận khác trong tổ chức, chi phối hoạt động của những người dưới quyền bằng các chức năng quản trị, được thể hiện thông qua các quyết định để thực hiện công việc quản lý trong một tổ chức [16, tr. 7].

Ý nghĩa của hoạt động quản lý được thể hiện trong rất nhiều lĩnh vực, và đương nhiên trong hoạt động kinh doanh thương mại cũng không phải là ngoại lệ, cụ thể ở đây là quản lý các loại hình doanh nghiệp, công ty. Việc các doanh nghiệp thành công hay thất bại trên thị trường hoàn toàn phụ thuộc vào khả năng, trình độ của những con người cụ thể giữ vai trò dẫn dắt, lèo lái công ty, phụ thuộc vào việc họ có nghệ thuật quản lý hay không. Nếu những người quản lý công ty triển khai các hoạt động quản lý có hiệu quả sẽ là đòn bẩy thúc đẩy sự thành công của doanh nghiệp, ngược lại nếu quản lý yếu kém

thì doanh nghiệp rất dễ thất bại và chấm dứt sự tồn tại của mình trên thị trường.

Trên cơ sở đó, có thể nói, người QLCT là những người tổ chức và điều khiển các hoạt động của công ty theo những yêu cầu nhất định. Những yêu cầu này có thể thể hiện ở hợp đồng thuê người quản lý, Quy chế, Điều lệ công ty và những quy định của pháp luật.

Trong luật công ty của các nước theo truyền thống common law chịu ảnh hưởng của luật Anh như Mỹ, Úc, New Zealand, Canada, và kể cả HongKong, Singapore, vấn đề người QLCT được quy định rất rõ ràng [5, tr. 14]. Ví dụ theo Luật mẫu về các công ty kinh doanh Mỹ (the Model Business Corporation Act, MBCA, bản sửa đổi năm 2002) [30] quy định rằng: hoạt động kinh doanh của công ty được quản lý bởi hay dưới sự chỉ đạo của the Board of Directors (tạm dịch là Hội đồng giám đốc - HĐGD). Một HĐGD là một tập thể bao gồm những người là director (tạm dịch là giám đốc – GD, chú ý: GD này khác với thuật ngữ giám đốc trong Luật DN Việt Nam) được bầu hoặc được bổ nhiệm, cùng nhau quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty.

Theo Điều 198A của Đạo luật công ty Úc 2001 (the Corporations Act 2001) [27] thì việc kinh doanh của một công ty được quản lý bởi hoặc theo sự chỉ đạo của các directors (tức các GD). Như vậy, các GD là người QLCT, họ thực hiện việc quản lý hoặc giám sát công việc quản lý của công ty. Ở Mỹ, Úc hay Singapore chẳng hạn, luật công ty còn phân biệt giữa hai khái niệm officer (tạm dịch là quan chức công ty) và director (GD công ty). Điều 9 Đạo luật công ty Úc đưa ra khái niệm về officer. Đây là một khái niệm rất rộng, bởi lẽ tất cả các GD (director), thư ký công ty (secretary), người quản tài viên (receiver) và thanh toán viên khi thanh lý công ty (liquidator) đều được coi là company officer.

Cũng tại Điều 9 Đạo luật công ty Úc thì “director” được hiểu là tất cả những ai:

- i) là thành viên của HĐQT (board of directors);
- ii) là người mà giữ vị trí hoặc vai trò trong vị trí của một giám đốc bất luận chức danh của họ được gọi là gì;
- iii) là người đưa ra các chỉ đạo để các GD làm theo.

Từ những quy định của pháp luật nước ngoài, có thể thấy rằng, khái niệm GD, người QLCT được hiểu khá rộng và bao gồm cả những người không được chỉ định chính thức làm người QLCT. Trong hoạt động xét xử, toà án xác định ai là người QLCT là căn cứ vào chức năng, công việc mà người đó làm. Bởi vì, dù là director hay officer là nói đến chức năng mà người này đảm nhiệm chứ đây không phải là chức danh của họ. Vì vậy, nếu một người không được bổ nhiệm chính thức làm GD vẫn có thể bị toà án coi là giám đốc và phải chịu trách nhiệm như một GD.

Theo pháp luật Việt Nam, tại Khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2014: “*Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty và người quản lý doanh nghiệp tư nhân, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty”.

Như vậy, Luật doanh nghiệp 2014 (cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành luật) không định nghĩa như thế nào là người quản lý công ty mà luật chỉ liệt kê người QLCT bao gồm những đối tượng nào. Bên cạnh đó, một điều đáng chú ý nữa là Điều 4 LDN 2014 quy định về người quản lý doanh nghiệp

và người QLCT nói chung mà không quy định rõ về người quản lý công ty trong từng loại hình công ty cụ thể.

Vậy người QLCT trong công ty TNHH 2 thành viên trở lên là ai?

Xuất phát từ sự thiếu rõ ràng của LDN 2014 nên có thể có hai quan điểm về người QLCT trong công ty TNHH hai thành viên trở lên. Quan điểm thứ nhất cho rằng tất cả các thành viên trong HĐTV (tức là tất cả thành viên của công ty) đều là người QLCT. Quan điểm thứ hai cho rằng chỉ có Chủ tịch HĐTV, GD/TGD và những chức danh khác được quy định tại điều lệ công ty mới là người QLCT.

Tác giả đồng tình với quan điểm thứ hai, bởi nó tỏ ra hợp lý hơn cả, xuất phát từ cách từ thức xác lập tư cách thành viên trong công ty TNHH hai thành viên trở lên, cũng như quyền của thành viên công ty.

Cụ thể, có những cách thức xác lập tư cách thành viên trong công ty TNHH hai thành viên trở lên như sau: một là, cá nhân, pháp nhân có thể trở thành thành viên công ty bằng việc tham gia thành lập công ty khi làm thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định; hai là, cá nhân, pháp nhân có thể mua lại phần vốn góp của thành viên công ty TNHH 2 thành viên trở lên; ba là, có thể trở thành thành viên công ty thông qua việc góp vốn vào công ty khi công ty tăng thêm vốn điều lệ bằng cách tiếp nhận vốn góp từ các cá nhân, tổ chức bên ngoài; bốn là, trở thành thành viên công ty thông qua việc được thừa kế phần vốn góp của các thành viên là cá nhân chết; năm là, cá nhân, pháp nhân nhận phần vốn góp được các thành viên công ty tặng cho; và sáu là, khi cá nhân, pháp nhân nhận phần vốn góp được các thành viên công ty dùng để thanh toán nợ cũng có thể trở thành thành viên công ty TNHH 2 thành viên trở lên (tất nhiên, người nhận chỉ có thể trở thành thành viên công ty nếu được HĐTV chấp thuận). Như vậy, người chưa thành niên có thể trở thành thành viên công ty thông qua việc được thừa kế phần vốn góp của các thành

viên là cá nhân chết. Từ đó cho thấy, nếu quy định tất cả các thành viên trong HĐQT (tức là tất cả thành viên của công ty) đều là người QLCT theo quan điểm thứ nhất, thì người QLCT sẽ bao gồm luôn cả đối tượng người chưa thành niên được nhận thừa kế phần vốn góp, và như vậy sẽ vi phạm điều kiện về độ tuổi đối với người QLCT (Điểm d Khoản 2 Điều 18 LDN 2014 quy định người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam).

Bên cạnh đó, tại Điều 50 LDN 2014 quy định về quyền của thành viên công ty TNHH 2 thành viên trở lên không hề có quy định thành viên công ty được nhân danh công ty ký kết các giao dịch của công ty. Trong khi, tại Khoản 18 Điều 4 LDN 2014 có quy định người QLCT có quyền nhân danh công ty ký kết các giao dịch của công ty.

Vì vậy, đồng tình với quan điểm thứ hai, tác giả cho rằng: người QLCT trong công ty TNHH 2 thành viên trở lên là: *Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc/ tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty.*

Vậy, có thể rút ra kết luận rằng pháp luật doanh nghiệp Việt Nam quy định người QLCT theo hướng mở rộng. Bởi vì ngoài các chức danh được liệt kê trong Khoản 18 Điều 4 nêu trên thì luật còn quy định cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết các giao dịch của công ty cũng có thể trở thành người QLCT nếu Điều lệ công ty có quy định. Vì luật không quy định hiểu như thế nào là “những chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty” nên các công ty có thể có thêm (hoặc không có) các chức danh như Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), các trưởng phòng: phòng kinh doanh, phòng tài chính kế toán, phòng tổ chức hành chính

..., trong xu hướng áp dụng mô hình quản trị công ty hiện đại như hiện nay, nhiều công ty đã tổ chức mô hình Ban GD gồm có: TGD, Phó TGD, GD nhân sự, GD tài chính, GD Marketing ... , nếu có, những người này có thể được coi là người QLCT theo quy định tại Điều lệ công ty.

Qua quy định này cũng cho thấy cách tiếp cận của luật Việt Nam theo hướng tên gọi không phải là yếu tố quan trọng nhất để xác định một người có phải là người QLCT hay không [15, tr.9]. Nói cách khác, để được xem là người QLCT thì điều quan trọng là phải dựa vào hành động thực tế của người đó. Điểm này đặc biệt giống với khái niệm giám đốc trong pháp luật Anh. Bởi Điều 250 CA 2006 quy định khái niệm giám đốc bao gồm những người chiếm giữ vị trí giám đốc, không kể tên gọi là gì [29]. Tương tự như vậy, theo Khoản 18 Điều 4 LDN 2014 thì yếu tố cơ bản để xác định người QLCT là thẩm quyền nhân danh công ty ký kết các giao dịch của công ty.

1.1.2. Cơ chế chỉ định, bổ nhiệm người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên

Như trên đã phân tích, trong công ty TNHH 2 thành viên có nhiều chức danh cùng được coi là người QLCT, do đó mỗi người QLCT sẽ có các quyền hạn khác nhau theo sự phân chia quyền lực thể hiện trong Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật. Vì vậy, tương ứng mỗi người QLCT cũng sẽ được chỉ định hoặc bổ nhiệm khác nhau theo quy định pháp luật cũng như của Điều lệ và quy chế công ty.

1.1.2.1. Cơ chế chỉ định, bổ nhiệm chủ tịch HĐQT

Trong cơ cấu tổ chức của công ty TNHH 2 thành viên, Hội đồng thành viên (bao gồm tất cả các thành viên công ty) là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, có quyền quyết định những vấn đề quan trọng nhất, chính yếu nhất ở tầm vĩ mô của công ty như: sứ mệnh, tầm nhìn, lĩnh vực hoạt động, ngành nghề kinh doanh của công ty, cũng như những vấn đề tài chính lớn,

hoặc những vấn đề quan trọng khác ... của công ty. Tuy nhiên đây lại là cơ quan lãnh đạo hoạt động theo cơ chế tập thể, vì vậy nó cần phải có một người (một cá nhân) đứng ra đại diện cho cả tập thể (HĐTV) để triệu tập các phiên làm việc (phiên họp) của HĐTV, lập chương trình làm việc cho HĐTV cũng như đại diện tập thể HĐTV thực hiện chức năng quản lý chủ sở hữu công ty. Cá nhân đại diện đó là chủ tịch HĐTV.

Theo quy định tại Điều 57 LDN 2014, Chủ tịch HĐTV do hội đồng thành viên bầu trong số các thành viên với nhiệm kỳ không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Như vậy, theo quy định của LDN 2014, Chủ tịch HĐTV công ty TNHH hai thành viên trở lên là người được tập thể HĐTV tín nhiệm bầu chọn trong số các thành viên để đại diện (thay mặt) HĐTV thực hiện chức năng quản lý công ty về mặt chủ sở hữu. Chủ tịch HĐTV không nhất thiết phải là người góp vốn nhiều nhất trong công ty, mà chỉ cần là người được tập thể HĐTV tín nhiệm và bầu chọn.

1.1.2.2. Cơ chế chỉ định, bổ nhiệm GD/TGD

Công ty TNHH 2 thành viên là một tổ chức kinh tế. Vì là một tổ chức nên tất nhiên trong quá trình hoạt động nó cần phải có một Nhà quản trị giữ vai trò điều hành cao nhất (thủ trưởng điều hành). Nhà quản trị điều hành đó chính là giám đốc/ tổng giám đốc của công ty.

Theo quy định tại Mục đ Khoản 2 Điều 56 LND 2014, Giám đốc/ Tổng giám đốc do HĐTV bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng lao động.

Có hai cơ chế để công ty lựa chọn Giám đốc/ Tổng giám đốc là bổ nhiệm người của công ty (thành viên) hoặc thuê cá nhân ngoài công ty. LDN 2014 mở rộng cơ chế lựa chọn Giám đốc/ Tổng giám đốc nhằm đảm bảo công

ty sử dụng được nguồn nhân lực có chất lượng tốt nhất cho vị trí này vì hiệu quả hoạt động của công ty.

Điều 64 LDN 2014 quy định: Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Để Giám đốc/ Tổng giám đốc hoàn thành vai trò của mình, tại Điều 65 Luật doanh nghiệp 2014 quy định tiêu chuẩn, điều kiện để một cá nhân trở thành giám đốc/ tổng giám đốc như sau:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp.

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty, nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

- Đối với công ty con của công ty có phần vốn góp, cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty đó.

Luật doanh nghiệp 2014 không phân chia Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc là thành viên của công ty hay người không phải là thành viên của công ty để đưa ra tiêu chuẩn, điều kiện khác nhau cho từng đối tượng. Luật doanh nghiệp 2014 cũng không bắt buộc Giám đốc hay Tổng Giám đốc là thành viên phải sở hữu ít nhất 10% vốn điều lệ của công ty như Luật doanh nghiệp 2005 quy định. Ràng buộc về vốn là để nâng cao trách nhiệm cũng như hiệu quả công việc. Tuy nhiên trách nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và

người quản lý khác đã được LDN 2014 quy định khá đầy đủ ở các điều khoản khác. Vì vậy, với vị trí này, tiêu chuẩn, điều kiện về chuyên môn là quan trọng nhất và Điều lệ công ty có thể yêu cầu cao hơn so với quy định trong Luật doanh nghiệp 2014, không cần thiết phải ràng buộc về vốn, tránh trường hợp người có “thừa tài nhưng thiếu lực” thì không được trọng dụng, bỏ nhiệm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của công ty.

1.1.2.3. Cơ chế chỉ định, bổ nhiệm Người quản lý khác

Như đã phân tích ở bên trên, vì luật không quy định như thế nào là “những chức danh quản lý khác” nên các công ty có thể có thêm các chức danh quản lý khác như: Phó giám đốc/ Phó tổng giám đốc; Kế toán trưởng, các trưởng phòng ... do Điều lệ công ty quy định.

Theo quy định của LDN 2014, đối với mỗi chức danh khác nhau trong công ty sẽ do những người có thẩm quyền bầu chọn, bổ nhiệm khác nhau. Việc bầu chọn và bổ nhiệm người QLCT được thực hiện theo cấp bậc từ trên xuống và căn cứ theo quy định của pháp luật và căn cứ vào Điều lệ công ty.

Cụ thể, Điều 57, Điều 56 LDN 2014 quy định: Chủ tịch HĐQT và GD/TGD do HĐQT bầu chọn, bổ nhiệm; bên cạnh đó, Mục d, đ Khoản 2 Điều 64 quy định GD/TGD có quyền: Ban hành quy chế quản lý nội bộ của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên. Vì vậy, có thể khẳng định các chức danh của người quản lý công ty khác sẽ do Giám đốc/ Tổng Giám đốc bổ nhiệm (trừ một số vị trí ngoại lệ).

1.1.3. Vai trò, vị trí của người quản lý trong quản trị công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên

Từ các định nghĩa về quản lý và người quản lý, chúng ta thấy rằng người QLCT là người thúc đẩy mọi người thực hiện công việc để đạt được mục tiêu như mong muốn thông qua các kỹ năng quản lý, điều hành của mình. Chính vì vậy, người QLCT có một vị trí và vai trò hết sức quan trọng trong quá trình hoạt động của công ty.

Đối với doanh nghiệp nói chung, Công ty TNHH 2 thành viên nói riêng, người QLCT được coi là “trái tim”, là “linh hồn” của công ty, bởi họ là những người trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, nắm giữ toàn bộ quyền quản lý điều hành công ty, là những người quản lý toàn bộ các khoản vốn đầu tư của chủ sở hữu, thành viên công ty. Vì vậy, người quản lý cần phải phát huy tối đa năng lực và hoạt động có hiệu quả để phát triển giá trị của công ty, thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận của công ty. Công ty có đạt được thành công, đạt mục tiêu mà chủ sở hữu kỳ vọng hay không, rõ ràng phụ thuộc vào người “lèo lái”, dẫn dắt hoạt động của công ty – những người QLCT.

Trong quá trình quản lý, điều hành công ty, với vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, công việc của người QLCT là lập kế hoạch cho hoạt động của công ty, thiết lập bộ máy quản lý, xây dựng văn hoá công ty, thực hiện các hoạt động tài chính, kinh doanh, ...

Trong nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và nhiều thách thức hiện nay thì vị trí và vai trò của người QLCT càng thể hiện rõ nét, ảnh hưởng sâu sắc đến sự thành bại của công ty.

Với việc giữ vị trí cực kỳ quan trọng trong toàn bộ quá trình hoạt động của công ty, việc xác lập vị trí của người QLCT là điều cực kỳ cần thiết để từ đó xác định vai trò và trách nhiệm cụ thể đối với người QLCT.

Người QLCT chính là *người đại diện, người phụ trách, là người thể hiện các hoạt động kinh doanh của công ty và là người chịu trách nhiệm đối với kết quả hoạt động kinh doanh của công ty*. Bên cạnh đó, người QLCT còn là đầu mối, sợi dây liên kết, điều phối các mối quan hệ, đảm bảo dung hoà lợi ích các nhóm quyền lợi trong công ty, đồng thời là người nắm giữ và quản lý những thông tin quan trọng nhất trong quá trình hoạt động của công ty.

Ở vị trí cực kỳ quan trọng và không thể thiếu này trong quá trình hoạt động của công ty, người QLCT trong các doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH 2 thành viên nói riêng thể hiện vai trò quan trọng của mình [21, tr. 26] đối với công ty ở nhiều mối quan hệ và góc độ khác nhau, cụ thể là:

- Vai trò của người QLCT trong việc đảm bảo lợi ích của chủ sở hữu, của thành viên công ty.

Cũng như các chủ sở hữu trong các loại hình doanh nghiệp khác, thành viên của công ty TNHH 2 thành viên cũng luôn mong đợi công ty kinh doanh hiệu quả để sao cho nguồn vốn của họ đầu tư vào công ty không chỉ được bảo toàn mà còn phải sinh lời ở mức cao nhất có thể. Sự mong đợi này phụ thuộc nhiều vào người quản lý được các chủ sở hữu thuê hay được các thành viên tín nhiệm bầu vào các chức danh quản lý. Vì vậy, vai trò của người QLCT phải hành động vì lợi ích của chủ sở hữu, của tập thể Hội đồng thành viên công ty.

Người QLCT có trách nhiệm không để xảy ra xung đột về lợi ích với công ty và thành viên công ty. Nghĩa là họ có trách nhiệm phải luôn tuân thủ các nghĩa vụ về trung thực, cẩn trọng, trung thành với lợi ích của công ty và thành viên công ty trong khi hành động và không được đặt lợi ích của mình vào vị trí xung đột với lợi ích của công ty và thành viên công ty. Đây là nghĩa vụ mà hầu hết luật công ty của các nước trên thế giới đều quy định nhằm hạn

chế tình trạng lạm quyền của người QLCT trong quá trình quản lý, điều hành công ty. Nghĩa vụ này được đặt ra xuất phát từ bản chất mối quan hệ đại diện – uỷ quyền vốn hàm chứa nhiều bất ổn mà người ta vẫn thường hay gọi là “vấn đề của đại diện”. Với vai trò là người đại diện cho công ty, thành viên trong hoạt động đầu tư, kinh doanh, ký kết các hợp đồng, giao dịch với đối tác bên ngoài, lẽ đương nhiên khi tham gia giao kết hợp đồng, người QLCT phải quan tâm đầy đủ và trước hết đến lợi ích của công ty, tìm kiếm lợi nhuận tốt nhất cho công ty.

- Vai trò bảo vệ lợi ích hợp pháp của người lao động.

Người QLCT còn phải bảo đảm lợi ích của người lao động trong công ty. Đây là những người mà hoạt động của họ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của công ty. Người lao động là những người làm việc trong công ty theo hợp đồng lao động. Vai trò của người QLCT đối với người lao động thể hiện ở việc họ thực hiện chức năng quản trị nguồn nhân lực. Người QLCT đóng vai trò là đại diện của người sử dụng lao động thực hiện các công việc liên quan đến quyền lợi của người lao động như tuyển dụng, quyết định lương và phụ cấp, đào tạo và tạo điều kiện cho người lao động phát huy khả năng của mình. Sự tồn tại và phát triển của công ty ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập, đời sống của người lao động. Vì vậy, người QLCT phải có trách nhiệm bảo đảm lợi ích của người lao động qua việc điều hành tốt hoạt động của công ty, đưa công ty phát triển mạnh mẽ và bền vững.

Trên thực tế, người QLCT phải quản lý rất nhiều người lao động. Vai trò của người quản lý không chỉ thể hiện ở chỗ chịu trách nhiệm về việc làm, thu nhập, đời sống của người lao động mà còn chịu trách nhiệm về cuộc sống tinh thần, nâng cao trình độ văn hoá, chuyên môn cho họ, tạo cho họ những cơ hội để thăng tiến.

- Vai trò bảo đảm lợi ích cho các chủ nợ và những người liên quan khác trong công ty.

Lợi ích của công ty được điều hoà tốt nhất với lợi ích của các chủ nợ công ty. Vì vậy, người QLCT còn có vai trò đảm bảo lợi ích của các chủ nợ của công ty. Chủ nợ là người cho công ty vay nợ. Họ có thể là các cá nhân cho công ty vay tiền hoặc mua trái phiếu của công ty, cũng có thể là các ngân hàng, tổ chức tín dụng cho công ty vay vốn để kinh doanh. Chủ nợ không tham gia quản lý công ty nên khoản vốn họ cho công ty vay hoàn toàn trông chờ vào hoạt động của những người quản lý công ty. Trong mối quan hệ với chủ nợ, vai trò của người QLCT chủ yếu thể hiện qua hoạt động tối đa hoá lợi nhuận, đảm bảo khả năng trả nợ của công ty. Bởi họ là người trực tiếp quyết định hiệu quả sử dụng đồng vốn của công ty.

Bên cạnh việc đảm bảo các mối quan hệ trong công ty, người QLCT còn thể hiện vai trò của mình trong việc xây dựng, duy trì và phát triển hệ thống khách hàng, bởi khách hàng chính là mục tiêu mà công ty hướng đến, vì nếu không có khách hàng thì công ty không thể tồn tại. Khách hàng ở đây là nói đến các nhóm đối tượng có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty, bao gồm: nhân viên công ty, cộng đồng mà doanh nghiệp đó phục vụ, các nhà cung ứng, đối tác, ... Do đó, vai trò của người QLCT là xây dựng cơ sở khách hàng bền vững, đảm bảo quyền lợi của khách hàng, quan tâm đến lợi ích của người tiêu dùng là yếu tố mà người QLCT phải đặt lên hàng đầu trong quá trình thực hiện công việc quản lý của mình.

Vai trò quan trọng khác của người quản lý là tổ chức bộ máy quản trị đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, bố trí hợp lý, cân đối lực lượng quản trị viên, đảm bảo quan hệ bền vững trong tổ chức, hoạt động ăn khớp, nhịp nhàng, hoàn thành tốt mục tiêu đã đề ra.

Về tài chính, người QLCT là chủ tài khoản của công ty. Vì vậy, người quản lý phải có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn. Một quyết định sai lầm có thể dẫn đến thiệt hại bạc triệu, bạc tỷ cho công ty.

Trong quản trị học, vai trò của người quản lý còn được thể hiện ở nhiều phương diện khác nhau như:

- Chỉ đạo thực hiện và kiểm tra công việc của cấp dưới.
- Tiếp nhận và thu thập thông tin từ trên xuống, từ dưới lên và từ các nguồn bên ngoài có liên quan đến lĩnh vực hoạt động, kinh doanh của công ty.
- Phổ biến thông tin đến người có liên quan và cung cấp thông tin cho các bộ phận trong công ty hay bên ngoài khi cần thiết.
- Cải tiến hoạt động của công ty để đạt hiệu quả cao hơn.
- Giải quyết các xáo trộn, sai lệch so với dự kiến.
- Phân phối tài nguyên cho các bộ phận trong công ty. Tài nguyên ở đây bao gồm cả nhân lực, vật lực, tài lực và cả quyền lực.
- Vai trò nhà thương thuyết khi đàm phán, ký kết hợp đồng thay mặt cho công ty trong quá trình hoạt động.

Tóm lại, có thể nói, người QLCT có *vị trí trung tâm* và giữ vai trò rất quan trọng trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH 2 thành viên nói riêng. Vai trò của người quản lý công ty thể hiện xuyên suốt trong quá trình sản xuất, kinh doanh của công ty. Từ xây dựng chiến lược, định hướng phát triển công ty, triển khai các hoạt động để hiện thực hoá chiến lược, ra quyết định, tổ chức, lãnh đạo, chỉ đạo các bộ phận, nhân viên cùng hoạt động hướng đến mục tiêu chung đến kiểm tra,

giám sát hoạt động của nhân viên đều không thể thiếu được vai trò của người quản lý.

1.1.4. Phân biệt người quản lý và đại diện pháp lý của công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên

Doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH 2 thành viên nói riêng, với tư cách là một tổ chức, một pháp nhân kinh tế nên nó không thể tự mình trực tiếp thực hiện các hành vi giao dịch với đối tác bên ngoài trong quá trình hoạt động kinh doanh được. Các hành vi này sẽ được thực hiện thông qua người đại diện của công ty. Người đại diện có thể là người đại diện theo pháp luật (đại diện pháp lý) và đại diện theo uỷ quyền.

Tại Khoản 1 Điều 134 BLDS 2015: *Đại diện là việc cá nhân, pháp nhân (sau đây gọi chung là người đại diện) nhân danh và vì lợi ích của cá nhân hoặc pháp nhân khác (sau đây gọi chung là người được đại diện) xác lập, thực hiện giao dịch dân sự.*

Điều này cũng có nghĩa là những tổ chức không có tư cách pháp nhân thì không thể là người đại diện. Với quy định trên pháp nhân có thể trở thành người đại diện theo uỷ quyền của cá nhân hoặc pháp nhân khác nhưng không thể là người đại diện theo pháp luật cho pháp nhân khác trong các giao dịch dân sự, chẳng hạn quy định tại Khoản 1 Điều 13 LDN 2014 quy định “đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp”. Bởi lẽ: Lý do chính để pháp nhân cần có người đại diện theo pháp luật là vì pháp nhân không thể tự mình hành động cho chính mình mà phải thông qua hành vi của con người cụ thể. Do đó, nếu pháp luật thừa nhận một pháp nhân (A) làm người đại diện theo pháp luật cho một pháp nhân (B) thì thực chất quyền và nghĩa vụ của pháp nhân được đại diện (B) không phải do hành vi của pháp nhân đại diện (A) thực hiện mà lại do chính người đại diện theo

pháp luật của pháp nhân A thực hiện thì việc thừa nhận pháp nhân có thể làm người đại diện theo pháp luật cho pháp nhân khác không còn có ý nghĩa pháp lý, mà còn xuất hiện những hệ quả pháp lý không đáng có. Chính vì lý do đó, nên mặc dù BLDS 2015 quy định người đại diện có thể là cá nhân hay pháp nhân, nhưng Điều 13 LDN 2014 quy định “*người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân*”.

Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân bao gồm:

- Người được pháp nhân chỉ định theo điều lệ;
- Người có thẩm quyền đại diện theo quy định của pháp luật;
- Người do Tòa án chỉ định trong quá trình tố tụng tại Tòa án. (Điều 137 BLDS 2015)

Người đại diện của pháp nhân trong trường hợp hành động trong phạm vi thẩm quyền đại diện sẽ ràng buộc pháp nhân các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hành động đó.

Với những quy định trên, chúng ta thấy: Người đại diện theo pháp luật của công ty, trước tiên phải là người QLCT (người có quyền nhân danh công ty ký kết các giao dịch). Nhưng phải là những người QLCT được Điều lệ công ty hoặc pháp luật chỉ định (không phải người quản lý nào cũng là người đại diện theo pháp luật của công ty, mà chỉ có những người quản lý được pháp luật và điều lệ công ty chỉ định).

Vậy trong công ty TNHH 2 thành viên, người quản lý nào được coi là người đại diện theo pháp luật (đại diện pháp lý) của công ty?

Khoản 2 Điều 13 LDN 2014 có quy định “Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật.

Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp”.

Vậy, LDN 2014 không quy định cụ thể chức danh quản lý của người đại diện theo pháp luật của công ty, mà “chuyển” nhiệm vụ này sang cho Điều lệ công ty. Đồng thời lại quy định công ty có thể có nhiều người đại diện theo pháp luật (đây là điểm mới so với trước đây), nên chúng ta thấy vai trò của Điều lệ công ty hiện nay đã được nâng lên một bước so với trước đây, thể hiện việc Nhà nước giao quyền tự chủ ngày càng cao cho các doanh nghiệp trong việc thực hiện công tác quản trị nội bộ cũng như tiến trình hoạt động kinh doanh của công ty (tác giả sẽ phân tích ở phần sau).

Vậy những người QLCT khác như: Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng, các trưởng phòng: phòng kinh doanh, phòng tài chính kế toán, phòng tổ chức hành chính ..., họ có quyền nhân danh công ty ký kết các giao dịch khi nào? Dựa vào lý thuyết Quản trị nói chung và thẩm quyền của GD/TGD được quy định tại Điều 64 LDN 2014, chúng ta thấy chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của những người quản lý khác sẽ do thủ trưởng điều hành của công ty (GD/TGD) quy định và phân công thông qua các quyết định bổ nhiệm, văn bản phân công nhiệm vụ, văn bản quy định chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận và lãnh đạo bộ phận, hoặc do Quy chế hoạt động, Điều lệ công ty quy định ... Do đó, những người này sẽ chỉ có quyền nhân danh công ty ký kết các giao dịch có nội dung phù hợp với thẩm quyền, chức năng và nhiệm vụ mà mình đã được phân công và quy định.

Vì vậy có thể rút ra kết luận: Người đại diện pháp lý của công ty TNHH 2 thành viên là những người đương nhiên được nhân danh công ty thực hiện các giao dịch của công ty, còn những người QLCT khác chỉ được nhân danh công ty thực hiện các giao dịch của công ty khi được người đại diện pháp lý

uỷ quyền hoặc cho phép thông qua sự phân công nhiệm vụ tại Quy chế hoạt động hoặc Điều lệ công ty.

1.2. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên

1.2.1. Trách nhiệm chung của người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên

Theo từ điển Tiếng Việt, quyền là điều mà pháp luật, xã hội công nhận cho được hưởng, được làm, được đòi hỏi; còn nghĩa vụ là bổn phận phải làm đối với xã hội hoặc với người khác [20].

Theo quan niệm về đạo đức, nghĩa vụ phản ánh trách nhiệm đạo đức của công dân, một tập thể, một giai cấp, ... đối với việc phải làm trong những điều kiện xã hội cụ thể, trong những tình hình xã hội nhất định. Khi đã trở thành cái bên trong, nghĩa vụ trở nên trừu tượng hơn so với chuẩn mực trên cơ sở của lập trường chính trị, đạo đức đã hình thành ở mỗi cá nhân. Nghĩa vụ gắn liền với tính tất yếu của đạo đức, với những yêu cầu đòi hỏi chung nhất, với những quy định chính thức và không chính thức, với trách nhiệm, khả năng và năng lực của cá nhân. Hành vi của con người được quy định bởi nhiều yếu tố, một trong số đó là nghĩa vụ được xã hội xác lập và ban hành. Nghĩa vụ được quy định bằng pháp luật. Thông thường nghĩa vụ thường đi đôi với quyền, chẳng hạn, công dân có quyền và nghĩa vụ cơ bản được quy định trong hiến pháp và pháp luật [19].

Nghĩa vụ của một người gắn liền với trách nhiệm của người đó. Nếu nghĩa vụ đặt ra cho con người vấn đề nhận thức và thực hiện những yêu cầu của xã hội, thì vấn đề trách nhiệm là ở chỗ con người hoàn thành và hoàn thành đến mức nào hoặc không hoàn thành những yêu cầu ấy. Trách nhiệm là sự tương xứng giữa hoạt động với nghĩa vụ. Về mặt pháp lý, việc xem xét

trách nhiệm cá nhân phải xuất phát từ sự thống nhất giữa quyền và nghĩa vụ: quyền và nghĩa vụ càng rộng thì trách nhiệm càng lớn.

Còn theo từ điển Tiếng Việt của Trung tâm từ điển – Viện Ngôn ngữ học thì trách nhiệm được hiểu theo hai nghĩa như sau: Nghĩa thứ nhất: Phần việc được giao cho hoặc coi như được giao cho, phải bảo đảm làm tròn, nếu kết quả không tốt thì phải gánh chịu phần hậu quả; Nghĩa thứ hai: Sự ràng buộc đối với lời nói, hành vi của họ, bảo đảm đúng đắn, nếu sai trái thì phải gánh chịu phần hậu quả. Điểm chung của cả hai cách hiểu trên, đó là đều xem xét trách nhiệm gồm hai thành phần cơ bản: một là những việc phải làm, được làm, như là bổn phận, nhiệm vụ, quyền hạn; hai là sự cam kết đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và chịu trách nhiệm đối với kết quả đó. là điều phải làm, phải gánh vác hoặc phải nhận lấy về mình [22, tr. 1020].

Trong khoa học pháp lý, nghĩa vụ là hành vi mà một người phải thực hiện vì lợi ích của người khác. Nghĩa vụ được pháp luật quy định. Vi phạm nghĩa vụ pháp lý thì tùy theo mức độ mà có thể bị xử lý theo kỷ luật, hành chính hoặc theo các chế tài dân sự, hình sự. Trách nhiệm lại là hậu quả pháp lý bất lợi mà người có hành vi vi phạm pháp luật phải gánh chịu trước Nhà nước do hành vi vi phạm của mình gây ra.

Như vậy, quyền của người QLCT là những việc mà họ được làm, được hưởng theo quy định của pháp luật, còn nghĩa vụ là phần được giao, là những hành vi mà pháp luật hay thậm chí là đạo đức đã ghi nhận, người QLCT phải bắt buộc thực hiện tương ứng với vị trí quản lý của họ trong công ty. Trách nhiệm của người QLCT là thực hiện các quyền trong phạm vi quy định và hoàn thành các nghĩa vụ, nếu không tùy theo mức độ vi phạm, phải chịu các hình thức xử lý, các loại chế tài theo quy định pháp luật.

Nhìn chung, luật công ty của nhiều quốc gia trên thế giới đều không đưa ra khái niệm về trách nhiệm, nghĩa vụ của người QLCT mà chỉ nêu lên

các quyền và nghĩa vụ mà người QLCT có trách nhiệm phải thực hiện. Luật doanh nghiệp của Việt Nam cũng nằm trong trường hợp này. Các vấn đề về trách nhiệm, nghĩa vụ của người QLCT trong Luật doanh nghiệp 2005 trước đây và Luật doanh nghiệp 2014 hiện nay chịu ảnh hưởng nhiều của luật công ty Anh – Mỹ và được tiếp thu nhiều qua các nghĩa vụ về trung thành (loyalty), trung thực (good faith), cẩn trọng (care and diligence), không tư lợi (personal interests) [27, pg. 210]. Người QLCT phải hành động dựa trên sự trung thực, lòng trung thành, đối với công ty và thành viên, dứt khoát không được tìm kiếm lợi ích cá nhân (tư lợi) từ vị trí được uỷ thác, không thể tự đặt mình vào vị trí mà có thể dẫn tới sự mâu thuẫn, xung đột với lợi ích cá nhân của mình và của công ty.

Với bản chất của quan hệ đại diện, đồng thời lại là những người trực tiếp nắm giữ, quản lý tài sản, nguồn vốn và quản lý những thông tin quan trọng nhất của công ty trong quá trình hoạt động của công ty, người QLCT của các doanh nghiệp nói chung và người QLCT trong công ty TNHH 2 thành viên nói riêng luôn có xu hướng tìm kiếm lợi ích cá nhân cho họ hơn là luôn hành động vì lợi ích chung của công ty và chủ sở hữu công ty. Vì vậy, để bảo đảm người QLCT hành động vì lợi ích công ty, hạn chế bớt khả năng tư lợi của người QLCT và để họ biết giữ thái độ trung thành và hành động vì lợi ích công ty thì sự tồn tại những quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người QLCT trong doanh nghiệp nói chung và trong công ty TNHH 2 thành viên nói riêng là tất yếu và khách quan.

Trách nhiệm, nghĩa vụ của người QLCT được xem xét và ghi nhận ở nhiều nguồn khác nhau, trước hết là ở luật công ty (doanh nghiệp) của các nước và được quy định trong Quy chế và Điều lệ của mỗi công ty. Việc xây dựng và ban hành Quy chế quản trị nội bộ công ty và Điều lệ công ty theo quy định là trách nhiệm bắt buộc đối với công ty và người quản lý.

Tóm lại, mối quan hệ giữa người QLCT và công ty được xem là quan hệ “ủy quyền”. Người QLCT có địa vị của một “người được ủy quyền” để thực hiện việc quản lý, điều hành công ty. Với địa vị đó, người QLCT có nhiệm vụ thực hiện việc quản lý công ty trên nguyên tắc vì lợi ích công ty và lợi ích của chủ sở hữu công ty. Trách nhiệm của người QLCT là phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình quản lý điều hành công ty đúng theo quy định của pháp luật, trên cơ sở vì lợi ích của công ty và thành viên công ty.

1.2.2. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện pháp lý công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên

Khoản 1 Điều 13 Luật doanh nghiệp 2014 ghi nhận “Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật”

Quy định này cho thấy rõ *thẩm quyền đại diện (thay mặt) công ty ký kết hợp đồng của người đại diện theo pháp luật*. Trước đây theo Luật doanh nghiệp 2005, mỗi doanh nghiệp chỉ có một người đại diện theo pháp luật (trừ công ty hợp danh) và người đó phải kiêm nhiệm một trong các chức danh đứng đầu doanh nghiệp như Giám đốc, Tổng giám đốc hoặc chủ tịch hội đồng quản trị (đối với công ty cổ phần), chủ tịch hội đồng thành viên. Còn theo Luật doanh nghiệp 2014, công ty được bổ nhiệm nhiều người đại diện theo pháp luật do đó thẩm quyền ký kết hợp đồng phụ thuộc vào chức vụ mà người đại diện theo pháp luật đó nắm giữ và cách phân quyền của công ty cho chức vụ đó.

Về trách nhiệm, nghĩa vụ của người đại diện pháp lý, Điều 14, LDN 2014 quy định:

- Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:

+ Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

+ Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

+ Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

- Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ quy định.

Qua đó, chúng ta thấy trách nhiệm, nghĩa vụ của người đại diện pháp lý của công ty, cơ bản cũng được Luật doanh nghiệp 2014 quy định giống như trách nhiệm, nghĩa vụ của người QLCT nói chung.

1.2.3. Vai trò của Điều lệ công ty trong việc xác định trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên

Điều lệ công ty là văn bản nội bộ có giá trị pháp lý cao nhất của công ty. Đây được coi như một bản khế ước của những người chủ sở hữu (thành viên) công ty về những vấn đề quan trọng nhất của công ty trong định hướng hoạt động công ty sau này. Điều lệ được xem là kim chỉ nam cho mọi hoạt

động của công ty. Vì vậy, nó cần phải chứa đựng trong đó tất cả những vấn đề “sống còn” của công ty một cách đầy đủ, chi tiết và cụ thể, và tất nhiên trong đó không thể thiếu vấn đề trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người QLCT - những người có vị trí trung tâm và giữ vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình vận hành công ty. Đặc biệt trong bối cảnh Nhà nước đã trao quyền tự chủ nhiều hơn cho các doanh nghiệp, trong đó có tự chủ trong hoạt động quản trị nội bộ doanh nghiệp thông qua việc Luật Doanh nghiệp 2014 có quy định Công ty TNHH và Công ty cổ phần có thể có nhiều người đại diện theo pháp luật, thì vai trò của Điều lệ công ty coi như được nâng cao hơn một bậc so với trước đây trong việc xác định trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người QLCT.

Như đã trình bày ở phần trên, Với quy định tại Điều 13 LDN 2014 về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp (Điều lệ công ty quy định cụ thể chức danh quản lý người đại diện pháp lý doanh nghiệp, Công ty có thể có nhiều người đại diện pháp lý), đã làm cho vai trò của Điều lệ công ty hiện nay được nâng lên một bước so với trước đây, thể hiện việc Nhà nước giao quyền tự chủ ngày càng cao cho các doanh nghiệp trong việc thực hiện công tác quản trị nội bộ cũng như tiến trình hoạt động kinh doanh của mình, cụ thể chúng ta thấy:

Với việc Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Doanh nghiệp năm 2014 lần đầu tiên trao quyền lựa chọn số lượng người đại diện theo pháp luật cho công ty (thông qua quy định tại điều lệ công ty), đã tạo điều kiện cho doanh nghiệp có thể hội nhập nhanh hơn, tận dụng được mọi cơ hội kinh doanh thông qua các đại diện theo pháp luật. Vì quy chế về người đại diện theo pháp luật có mối liên hệ trực tiếp với quyền tự chủ của doanh nghiệp trong chủ động lựa chọn địa bàn, hình thức kinh doanh, mở rộng quy mô kinh doanh, chủ động tìm kiếm thị trường và khách hàng, mà muốn thực hiện được những quyền

này, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp lớn, thì cần phải có nhiều người đại diện cho doanh nghiệp đó trong giao kết và thực hiện các giao dịch với chủ thể khác. Điểm sửa đổi này có ý nghĩa rất to lớn, đã giải quyết được những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp suốt một thời gian dài [13]. Cụ thể:

Thứ nhất, “giảm tải” trách nhiệm lên một người đại diện theo pháp luật. Có thể thấy rằng mọi giao dịch đối ngoại, đối nội của doanh nghiệp, công ty đều chỉ có thể thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật. Thực tế này đòi hỏi người đại diện theo pháp luật phải có rất nhiều kiến thức cũng như kinh nghiệm thực tế mới có thể điều hành doanh nghiệp một cách trơn chu, chuẩn mực. Người đại diện theo pháp luật phải biết về quản lý kinh doanh, quản lý nhân sự, quản lý thuế, hợp đồng... Nếu không biết, họ vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với toàn bộ các giao dịch với tư cách là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Như vậy, vô hình chung, việc trao cho một cá nhân quá nhiều quyền và nghĩa vụ, đặc biệt là nghĩa vụ sẽ gây khó khăn cho người đó trong việc thực hiện tốt quyền và trách nhiệm của mình. Mặc dù, pháp luật cũng có những chế định cho phép người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho một cá nhân khác, nhưng thực tế áp dụng cho thấy quy định này còn nhiều hạn chế. Như trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt, doanh nghiệp chỉ có thể giải quyết công việc khi có sự ủy quyền từ người đại diện theo pháp luật cho một người khác trong doanh nghiệp, nhưng về nguyên tắc người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm trước công ty, trước pháp luật và bên thứ ba về tất cả những nội dung thuộc thẩm quyền của mình. Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp lớn, khi có rất nhiều các hợp đồng lớn phải ký kết, các dự án lớn để đầu tư, số lượng người lao động thật lớn để triển khai thực hiện công việc, thì việc người đại diện có thể cho những công việc của những người đã nhận ủy quyền thay mặt họ để giao dịch

trong thời gian họ vắng mặt là một điều khó khả thi. Các quy định của pháp luật cũng có những hạn chế nhất định đối với người được ủy quyền như chỉ cho phép người này được ủy quyền lại cho người thứ ba nếu được người đại diện theo pháp luật đồng ý. Điều này đã gây ra những vướng mắc không nhỏ cho doanh nghiệp nếu người được nhận ủy quyền gặp sự cố bất khả kháng không thể tiếp tục thực hiện công việc được ủy quyền, đặc biệt, trong trường hợp người được ủy quyền này nhận ủy quyền ký kết hợp đồng kinh tế với đối tác. Thực tiễn xét xử tranh chấp kinh tế cho thấy, rất nhiều vụ án doanh nghiệp đã phải thua kiện, vì hợp đồng bị tuyên vô hiệu do doanh nghiệp một phần không nắm vững các quy định của pháp luật, người nhận ủy quyền tự ý ủy quyền lại khi chưa có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật. Nhưng nó cũng đặt ra một “bài toán” pháp lý cho các nhà làm luật giải quyết tình trạng trên để đảm bảo hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được thông suốt.

Thứ hai, trường hợp doanh nghiệp thay đổi người đại diện theo pháp luật. Trong khoảng thời gian doanh nghiệp thực hiện các thủ tục pháp lý thay đổi tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thì vị trí người đại diện theo pháp luật gần như bị trống, bởi lẽ, lúc này người mới được bổ nhiệm nhưng chưa được ghi nhận trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Bên thứ ba tiến hành giao dịch sẽ gặp khó khăn trong xác định ai là người đại diện theo pháp luật thật sự. Hoặc trường hợp người đại diện theo pháp luật có vấn đề về sức khỏe hoặc bị tạm giam, tạm giữ, thì doanh nghiệp cũng phải mất một khoảng thời gian lúng túng để xác định người thay thế, chưa kể đến quá trình chọn ra người thay thế trong những thời điểm nhạy cảm của một doanh nghiệp chưa hẳn sẽ diễn ra suôn sẻ và nhận được sự hợp tác của những người khác.

Thứ ba, quy định cho phép doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật cũng giải quyết được các hạn chế trong giao dịch của doanh nghiệp

với người đại diện, giảm thiểu được các khó khăn của doanh nghiệp. Đặc biệt, trong trường hợp người đại diện theo pháp luật đi nước ngoài dưới 30 ngày nhưng không muốn ủy quyền cho người khác hoặc người đại diện theo pháp luật xung đột với hội đồng thành viên và không hợp tác trong việc ký kết các văn bản, giao dịch của công ty, đồng thời không muốn ủy quyền cho người khác.

Tuy nhiên, bên cạnh đó với quy định mới này, cũng nảy sinh nhiều vấn đề pháp lý về người đại diện theo pháp luật cần được xác định rõ như: Cơ chế giám sát lẫn nhau giữa những người đại diện theo pháp luật; sự phân định về trách nhiệm liên đới hay riêng lẻ của các đại diện theo pháp luật và phạm vi đại diện của các đại diện theo pháp luật trong việc xác lập giao dịch nhân danh công ty. Có những trường hợp đặt ra trong thực tiễn cần được làm rõ như xác định giao dịch đòi hỏi phải được sự chấp thuận của tất cả các đại diện theo pháp luật hay hiệu lực của hợp đồng đã được doanh nghiệp ký kết với đối tác và đang thực hiện nhưng xảy ra trường hợp một đại diện theo pháp luật khác phản đối hay không đồng ý một phần của hợp đồng này.

Vì vậy, yêu cầu đặt ra đối với việc xây dựng điều lệ công ty ở thời điểm hiện nay cũng cần chặt chẽ hơn để tránh chông chéo về thẩm quyền của mỗi người (đại diện theo pháp luật) và tăng cường hiệu quả quản lý trong nội bộ doanh nghiệp.

Tiểu kết chương 1

Trong Chương 1, tác giả đã nêu và phân tích khái niệm người quản lý công ty nói chung và người quản lý công ty TNHH 2 thành viên nói riêng theo quy định của pháp luật Việt Nam trong sự so sánh với phương thức xác định người QLCT theo pháp luật của một số quốc gia khác. Bên cạnh đó, tác giả cũng đã làm rõ sự giống và khác nhau giữa người QLCT và người đại diện pháp lý của công ty.

Từ việc xác định và phân tích khái niệm người QLCT, tác giả đã khẳng định vị trí và vai trò quan trọng của người QLCT trong doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH 2 thành viên nói riêng. Tuy được coi là vị trí chủ đạo trong sự tồn tại và phát triển công ty, song người QLCT cũng chính là người có rất nhiều cơ hội để thu lợi riêng cho mình, xâm hại đến lợi ích của công ty và thành viên công ty. Tác giả tìm hiểu và phân tích mối quan hệ đại diện giữa người QLCT và chủ sở hữu (thành viên công ty), xem xét khái niệm, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người QLCT để thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc luật hoá các quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người QLCT nói chung, công ty TNHH 2 thành viên nói riêng để họ có thể nhận thức được tầm quan trọng của việc quản lý của mình và thực hiện những quyền và nghĩa vụ này một cách trọn vẹn nhất trên cơ sở bảo vệ lợi ích của công ty, nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị của công ty.

Ngoài ra, pháp luật về trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người QLCT còn là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, Ban kiểm soát công ty thực hiện chức năng giám sát đối với hoạt động quản lý công ty, nâng cao hiệu quả quản trị công ty ở Việt Nam.

Chương 2
THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI
QUẢN LÝ TRONG CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN 2
THÀNH VIÊN TRỞ LÊN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY THEO LUẬT
DOANH NGHIỆP 2014

2.1. Thực trạng các quy định pháp luật về trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên

2.1.1. Nhóm trách nhiệm chung của người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên

Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người QLCT được quy định trong Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp 2014, ngoài ra còn được quy định trong Điều lệ công ty, Quy chế quản trị công ty nhằm cụ thể hoá, chi tiết hoá những quy định của Luật doanh nghiệp.

Luật doanh nghiệp 2014 được xây dựng với tinh thần cải cách mạnh mẽ, trao quyền tự chủ nhiều hơn cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp, tăng tính linh hoạt, chủ động trong quản lý, điều hành doanh nghiệp. Trong tinh thần đó, Luật DN 2014 tiếp tục thể hiện tư tưởng bảo vệ các nhà đầu tư, chủ sở hữu, cổ đông, thành viên công ty mạnh hơn so với các đạo luật doanh nghiệp trước đây, thể hiện bằng những quy định pháp lý nhằm nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ của người QLCT.

Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người QLCT là một phần nội dung quan trọng trong Luật DN 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật DN. Để đảm bảo cho quyền lợi của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên trong công ty, pháp luật của nhiều nước trên thế giới trong đó có Luật doanh nghiệp Việt Nam đều quy định trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người QLCT. Đối với

mỗi loại hình công ty, Luật DN 2014 đều có những điều luật quy định cụ thể về trách nhiệm, nghĩa vụ của người QLCT. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để các công ty có quy định cụ thể hơn về trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người QLCT trong Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ công ty.

Trách nhiệm, nghĩa vụ của người QLCT trong công ty TNHH 2 thành viên được Luật DN 2014 quy định tại các Điều 14 (trách nhiệm người đại diện pháp lý của các doanh nghiệp nói chung) và Điều 71. Theo đó, người QLCT trong công ty TNHH 2 thành viên trở lên có trách nhiệm thực hiện quyền và hoàn thành nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty; trung thành với lợi ích của công ty. Người QLCT phải có nghĩa vụ thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối. Ngoài ra, người QLCT không được tăng lương, trả lương, trả thưởng khi công ty không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn. Bên cạnh các quy định của LDN 2014, Điều lệ công ty có thể quy định thêm trách nhiệm, nghĩa vụ khác.

Để quản lý các giao dịch để phát sinh tư lợi, Điều 67 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định các hợp đồng, giao dịch giữa người QLCT hoặc người có liên quan người quản lý công ty với công ty phải được sự cho phép và chấp thuận của HĐQT. Cụ thể, Điều 67 quy định:

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng thành viên chấp thuận:

a) Thành viên, người đại diện theo ủy quyền của thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty;

b) Người có liên quan của những người quy định tại điểm a khoản này;

c) Người quản lý công ty mẹ, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

d) Người có liên quan của người quy định tại điểm c khoản này.

2. Người ký kết hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho các thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch dự định tiến hành. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác thì Hội đồng thành viên phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; trong trường hợp này, hợp đồng, giao dịch được chấp thuận nếu có sự tán thành của số thành viên đại diện ít nhất 65% tổng số vốn có quyền biểu quyết. Thành viên có liên quan trong các hợp đồng, giao dịch không được tính vào việc biểu quyết.

3. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, gây thiệt hại cho công ty. Người ký kết hợp đồng, giao dịch, thành viên có liên quan và người có liên quan của thành viên đó phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch được ký kết không đúng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này hoặc gây thiệt hại cho công ty.

Những trách nhiệm, nghĩa vụ mà người QLCT phải thực hiện nêu trên đều với mục đích bảo đảm tối đa lợi ích của công ty và chủ sở hữu công ty.

Từ những quy định trên, qua phân tích và làm rõ những quy định của Luật DN 2014 về trách nhiệm của người QLCT trong công ty TNHH 2 thành viên, cũng như phân tích vị trí, vai trò của người QLCT (ở phần trên, mục 1.1.3), chúng ta thấy trách nhiệm của người QLCT gắn liền với hai nhóm

nghĩa vụ cơ bản: Nhóm nghĩa vụ và trách nhiệm đối với công ty và chủ sở hữu công ty và nhóm nghĩa vụ và trách nhiệm đối với chủ nợ.

- Nghĩa vụ và trách nhiệm của người QLCT đối với công ty và thành viên công ty

Nhóm nghĩa vụ và trách nhiệm này buộc người QLCT phải hành xử theo hướng có lợi nhất cho lợi ích công ty và thành viên công ty, đồng thời ngăn cản việc người QLCT lạm quyền khi thực hiện quyền của người QLCT gây thiệt hại cho công ty. Cụ thể gồm những nghĩa vụ sau: Trung thành, không tư lợi; nghĩa vụ trung thực và công khai thông tin, nghĩa vụ cẩn trọng và hành động tốt nhất cho lợi ích công ty và chủ sở hữu; và các nghĩa vụ khác. Các nghĩa vụ này được quy định tại Điều 71 Luật Doanh nghiệp 2014.

+ Nghĩa vụ trung thành và không tư lợi

Theo Điều 71 Luật DN 2014, người QLCT trong công ty TNHH 2 thành viên có nghĩa vụ trung thành với lợi ích của công ty, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Theo Đại từ điển Tiếng Việt, trung thành có nghĩa là trước sau như một, không thay lòng đổi dạ [23, tr. 1730]. Với ý nghĩa này, người QLCT phải luôn bảo vệ lợi ích của công ty và chủ sở hữu công ty, không được có hành vi vun vén, lấy đi hay bớt xén lợi ích của công ty để phục vụ cho cá nhân hoặc cho người khác, không được có hành vi mâu thuẫn với lợi ích công ty.

Xét trong các nghĩa vụ, có lẽ đây là nghĩa vụ phải được xem là quan trọng nhất, nên được đặt lên hàng đầu để yêu cầu người QLCT phải tuân thủ. Xuất phát từ vai trò là người quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, được công ty giao cho nhiều quyền hạn nhất định tương ứng với từng

chức danh quản lý, có thể là quyền bổ nhiệm, bố trí công tác, đến quyền sử dụng tài chính, tài sản công ty, ... và cũng là người nắm bắt được những thông tin quan trọng, các cơ hội kinh doanh của công ty. Người QLCT có nhiều cơ hội và điều kiện tìm kiếm các lợi ích cá nhân cho mình hay cho người thứ ba. Vì vậy cần phải quy định nghĩa vụ này để ràng buộc người QLCT trung thành với công ty, không lợi dụng quyền hạn, chức vụ, địa vị và tài sản của công ty để tham gia vào các giao dịch mang tính xung đột với lợi ích của công ty.

+ Nghĩa vụ trung thực và công khai thông tin

Cũng theo Điều 71 Luật DN 2014, người QLCT trong công ty TNHH 2 thành viên có nghĩa vụ thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, phải thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ sở hữu hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối, thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh công ty.

Theo Đại từ điển Tiếng Việt, “trung thực” có nghĩa là ngay thẳng, thật thà [23, tr. 1730]. Người có tính trung thực thì luôn nói đúng sự thật, tôn trọng sự thật, phản ánh đúng và chính xác sự thật như vốn có của bất kỳ sự việc hay hiện tượng khách quan nào, không giả dối, không lén lút hay dối trá làm những việc sai trái.

Như vậy, nghĩa vụ trung thực theo Luật Doanh nghiệp 2014 là đòi hỏi người QLCT của các doanh nghiệp nói chung và người QLCT trong công ty TNHH 2 thành viên nói riêng hành động một cách ngay thẳng, không gian dối, lừa dối công ty và thành viên công ty trong các hành động của mình. Người QLCT phải thực hiện nghĩa vụ công khai đầy đủ những thông tin mà pháp luật hoặc nội bộ công ty yêu cầu. Việc công bố thông tin của người QLCT giúp cho mọi người có liên quan, trong đó có chủ sở hữu, thành viên

công ty hiểu biết rõ về các lợi ích liên quan của người QLCT và những hoạt động mà có thể tạo cơ hội tư lợi cho những người QLCT và những đối tượng khác.

Nghĩa vụ này bao gồm hai nội dung quan trọng: một là, người QLCT có nghĩa vụ công khai hoá tất cả các lợi ích liên quan đồng thời phải công khai những giao dịch với các bên có liên quan; hai là người QLCT có nghĩa vụ phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo quy định.

+ *Nghĩa vụ cẩn trọng và hành động tốt nhất cho lợi ích công ty và chủ sở hữu*

Theo Luật Doanh nghiệp 2014 thì người QLCT phải thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

Theo Đại từ điển Tiếng Việt, cẩn trọng có nghĩa là có ý thức coi trọng, chú ý cẩn thận đối với việc gì, chăm chút chu đáo, không để sơ suất, phòng tránh những điều không hay có thể xảy ra [23, tr. 280]. Người có tính cẩn trọng là người làm ăn cẩn thận, tác phong cẩn thận, tính toán cẩn thận, cẩn trọng trong mọi việc.

Cẩn trọng là một đức tính rất quan trọng, nhất là đối với những người làm công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp. Chính vì vậy, Luật Doanh nghiệp 2014 cũng như Luật công ty của nhiều quốc gia trên thế giới đều xem đây là nghĩa vụ, bổn phận mà người QLCT phải thực hiện. Đối với nghĩa vụ này, đòi hỏi người QLCT phải thực hiện công việc một cách mẫn cán theo cách mà họ tin rằng vì lợi ích cao nhất của công ty và chủ sở hữu, với mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào cũng thực hiện khi ở vào vị trí tương đương trong hoàn cảnh tương tự.

+ *Các nghĩa vụ khác*

Bên cạnh các nghĩa vụ về trung thành, không tư lợi; trung thực và công khai thông tin; cẩn trọng và tốt nhất, thì Luật Doanh nghiệp 2014 còn quy định người QLCT phải tuân thủ các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật DN và Điều lệ công ty. Nghĩa là Luật DN cho phép các công ty có thể quy định thêm vào Điều lệ của công ty các nghĩa vụ khác, những yêu cầu khác mà người QLCT phải thực hiện.

Để tạo cơ chế buộc người QLCT của các công ty nói chung phải thực hiện đúng các nghĩa vụ của mình, Luật Doanh nghiệp 2014 có các điều khoản riêng để quy định quyền khởi kiện của chủ sở hữu, thành viên công ty đối với người quản lý trong các loại hình công ty. Đây là một điểm tiến bộ so với Luật doanh nghiệp 2005, thể hiện sự bảo vệ tốt hơn của pháp luật đối với quyền và lợi ích chính đáng của các nhà đầu tư. Riêng quyền khởi kiện người quản lý công ty TNHH 2 thành viên được quy định tại Điều 72 Luật DN 2014.

Điều 72 Luật DN 2014 quy định:

Thành viên công ty tự mình, hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm, dân sự đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ của người quản lý trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm quy định tại Điều 71 của Luật doanh nghiệp 2014;

b) Không thực hiện đúng và đầy đủ hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty về các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng thành viên;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty”.

- Nghĩa vụ và trách nhiệm của người QLCT đối với chủ nợ

Nhóm nghĩa vụ của người QLCT đối với chủ nợ được xác định khi công ty gặp khó khăn về tài chính. Theo đó, khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả thì người QLCT phải thực hiện các nghĩa vụ nhằm duy trì ở mức độ cao nhất khả năng thanh toán nợ của công ty, đảm bảo quyền lợi của các chủ nợ. Người QLCT không được tăng tiền lương, trả tiền thưởng cho công nhân viên của công ty, kể cả cho người quản lý. Nếu không thực hiện nghĩa vụ này dẫn đến thiệt hại cho chủ nợ thì người QLCT phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra. Mặt khác người QLCT phải kiến nghị các biện pháp nhằm khắc phục khó khăn về tài chính của công ty.

2.1.2. Một số quyền và nghĩa vụ riêng của người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên

Công ty TNHH 2 thành viên là loại hình doanh nghiệp nhiều chủ (tối đa là 50), có tư cách pháp nhân. Điều này đòi hỏi pháp luật phải đặt ra những quy định về cơ cấu tổ chức quản lý công ty phù hợp và hiệu quả đối với loại hình doanh nghiệp này.

Điều 55 Luật doanh nghiệp 2014 quy định cơ cấu tổ chức quản lý công ty TNHH 2 thành viên gồm có: Hội đồng thành viên; Chủ tịch Hội đồng thành viên; Giám đốc/ Tổng giám đốc và Ban kiểm soát (nếu có). Với mô hình này, việc tổ chức quản lý công ty có sự phân công, phân nhiệm và chế ngự lẫn nhau giữa các cơ quan quản lý, điều hành và kiểm soát công ty.

Công ty TNHH 2 thành viên được tổ chức quản lý theo cơ chế có sự tách biệt khá rõ ràng giữa quyền sở hữu và quyền quản lý công ty. Từng thành viên nắm quyền sở hữu (một phần) công ty, được thực hiện quyền chủ sở hữu (tương ứng với phần vốn góp) của mình với công ty, nhưng không phải là người QLCT. Quyền quản lý công ty không thuộc về từng thành viên mà được phân bổ và tập trung ở bộ máy quản lý có tính chuyên nghiệp.

Về phương diện khoa học, quyền quản lý công ty được có thể được chia thành 3 nhóm cơ bản sau:

- Quyền quyết định những vấn đề quan trọng nhất liên quan đến sự tồn tại, sứ mệnh, tầm nhìn và định hướng phát triển công ty.
- Quyền thực thi chiến lược, xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- Quyền kiểm tra giám sát hoạt động của công ty.

Các nhóm quyền quản lý công ty TNHH 2 thành viên được phân chia cho các cơ quan khác nhau trong cơ cấu tổ chức như đã đề cập ở trên. Sự phân chia thẩm quyền cụ thể được xác định trong điều lệ công ty trên cơ sở các quy định của pháp luật. Theo đó, *Hội đồng thành viên* gồm tất cả các thành viên công ty, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, có quyền quyết định những những vấn đề quan trọng nhất liên quan đến sự tồn tại và định hướng phát triển công ty. Hội đồng thành viên làm việc theo cơ chế kỳ họp và vì thế Hội đồng thành viên bầu một thành viên trong số các thành viên giữ vị trí *Chủ tịch Hội đồng thành viên* để đại diện cho tập thể HĐQT thực hiện chức năng quản lý chủ sở hữu công ty, triệu tập các phiên làm việc (phiên họp) của HĐQT, lập chương trình làm việc cho HĐQT. Song song đó, Hội đồng thành viên Hội đồng thành viên bầu, bổ nhiệm *Giám đốc* để quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty, Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý khác trong công ty (trừ những chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT). Giám đốc là người trực tiếp quyết định tuyển dụng, đào tạo, sa thải và quản lý người lao động, ký kết các hợp đồng, thực hiện các giao dịch nhân danh công ty và thực hiện các quyết định đã được HĐQT thông qua.

Như vậy, trong cơ chế tổ chức quản lý công ty TNHH 2 thành viên, người quản lý thực hiện nhiệm vụ của mình theo cơ chế trao quyền. Pháp luật

trao quyền quản lý và điều hành công ty cho 2 cơ quan: Hội đồng thành viên và Giám đốc; Tập thể chủ sở hữu (HĐTV), theo quy định pháp luật trao quyền cho Chủ tịch Hội đồng thành viên đại diện mình thực hiện các công việc liên quan đến HĐTV. Trao quyền được hiểu là giao thẩm quyền và nghĩa vụ ở mức độ nhất định cho mỗi vị trí trong công ty để thực hiện những nhiệm vụ cụ thể. Thẩm quyền là quyền chính thức được trao cho mỗi vị trí để hoàn thành nghĩa vụ được giao ở vị trí đó. Nghĩa vụ là phần việc được giao cho phải đảm bảo làm tròn. Trách nhiệm của người QLCT là phải thực hiện quyền và hoàn thành nghĩa vụ tương ứng với vị trí, chức danh của mình.

2.1.2.1. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên

Theo quy định tại Điều 57 LDN 2014, Chủ tịch HĐTV do hội đồng thành viên bầu trong số các thành viên. Chủ tịch HĐTV có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc để lấy ý kiến các thành viên;
- Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên;
- Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng thành viên;
- Thay mặt Hội đồng thành viên ký các nghị quyết của Hội đồng thành viên;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

Qua các quyền và nhiệm vụ ở trên cho thấy Chủ tịch Hội đồng thành viên chủ yếu thực hiện những chức năng liên quan đến công việc của HĐTV với tư cách là người đại diện (thay mặt) cho HĐTV. Luật doanh nghiệp 2014

trao quyền cho toàn bộ thành viên trong HĐQTV mà không trao cho Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Chủ tịch Hội đồng thành viên không có quyền lấy tư cách cá nhân để quyết những vấn đề quan trọng nhất của công ty như quyết nhân sự cấp cao, sứ mệnh, tầm nhìn, định hướng phát triển công ty..., mà quyền này thuộc về Hội đồng thành viên.

Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên về cơ bản là đại diện cho Hội đồng thành viên để thực hiện quyền chủ sở hữu công ty.

Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể là người đại diện theo pháp luật của công ty nếu Điều lệ công ty quy định.

2.1.2.2. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc/ Tổng giám đốc

Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Khoản 2 Điều 64 LDN 2014 quy định:

Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng thành viên;
- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- Ban hành quy chế quản lý nội bộ của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;
- Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên;

- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Hội đồng thành viên;
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Tuyển dụng lao động;
- Quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ công ty, hợp đồng lao động mà Giám đốc hoặc Tổng giám đốc ký với công ty theo nghị quyết của Hội đồng thành viên.

Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc có thể là người đại diện theo pháp luật của công ty nếu Điều lệ công ty quy định, tự đưa ra quyết định và tự chịu trách nhiệm về những quyết định của mình trước HĐTV và pháp luật.

2.1.3. Những bất cập trong quy định pháp luật về trách nhiệm quyền và nghĩa vụ của người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên

Như đã trình bày và phân tích bên trên, theo quy định của LDN 2014, trách nhiệm của người quản lý công ty nói chung và người quản lý công ty TNHH 2 thành viên nói riêng gắn liền với các nghĩa vụ: *cẩn trọng, trung thành và không tư lợi; trung thực và công khai thông tin; và các nghĩa vụ khác.*

Tuy nhiên, cũng giống như các đạo Luật doanh nghiệp trước đây, Luật doanh nghiệp 2014 và các văn bản hướng dẫn đều không đưa ra bất cứ một giải thích tập trung và chi tiết nào về bốn phạm, nghĩa vụ người QLCT ngoài việc đề cập chung chung. Việc thiếu vắng các hướng dẫn cụ thể để định lượng các nghĩa vụ khiến cho việc tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ của người QLCT cũng như xác định hành vi vi phạm nghĩa vụ người QLCT trở nên hết sức khó khăn và trên thực tế có nhiều trường hợp các thẩm phán rất lúng túng khi xét xử những loại tranh chấp này. Cụ thể là các bất cập:

❖ Về nghĩa vụ “cẩn trọng”, “trung thực” của người quản lý công ty

Luật doanh nghiệp 2014 quy định người QLCT có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và chủ sở hữu công ty. Tuy nhiên, cho đến nay, LDN 2014 cũng như các văn bản hướng dẫn của LDN 2014 chưa đưa ra giải thích cụ thể như thế nào là nghĩa vụ cẩn trọng hay trung thực.

Ngay cả Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (công ty cổ phần – là loại hình doanh nghiệp mà trách nhiệm của người QLCT còn cần phải được đề cao và nhấn mạnh hơn so với công ty TNHH) cũng không đưa ra khái niệm nghĩa vụ “cẩn trọng” mà chỉ đề cập đến việc thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty.

Chúng ta có thể tham khảo khái niệm được đưa ra trong Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty (cổ phần) đại chúng (sau đây gọi là Thông tư 121). Theo Thông tư 121, nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, GD/TGD và cán bộ quản lý khác là nghĩa vụ thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị “một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự”. Tuy nhiên khái niệm trên chỉ mang tính chất tham khảo và Thông tư 121 đã hết hiệu lực thi hành.

Chính vì việc thiếu vắng sự giải thích như thế nào là “trung thực” và “cẩn trọng” nên trên thực tế đã xảy ra không ít vụ việc người QLCT vi phạm

nghĩa vụ này mà pháp luật doanh nghiệp Việt Nam không có cơ chế giải quyết thỏa đáng (tác giả sẽ phân tích ở phần sau).

❖ Về nghĩa vụ “trung thành” của người quản lý công ty

Luật doanh nghiệp 2014 quy định người QLCT có nghĩa vụ trung thành với lợi ích của công ty và chủ sở hữu; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Tuy đã đưa ra một số tiêu chí đánh giá sự trung thành bao gồm không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác, nhưng tương tự như nghĩa vụ trung thực và cẩn trọng, LDN 2014 không đưa ra sự “định lượng” rõ ràng về nghĩa vụ trung thành. Vì vậy mà trên thực tế đã xảy ra không ít các vụ việc người QLCT vi phạm nghĩa vụ này mà Luật doanh nghiệp Việt Nam không có cơ chế giải quyết thỏa đáng.

2.2. Thực trạng việc thực thi trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Một số vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ của người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên

Như đã phân tích bên trên, với việc thiếu sự định lượng của các đạo Luật doanh nghiệp trước đây và Luật doanh nghiệp 2014 hiện nay khi quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý công ty nói chung và người quản lý công ty TNHH 2 thành viên nói riêng, nên trong thực tế đã dẫn tới một số vướng mắc khi tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ của người quản lý công ty nói chung và người quản lý công ty TNHH 2 thành viên nói riêng. Cùng với đó là những khó khăn, bế tắc trong việc xử lý các sai phạm của

người QLCT. Điển hình là các vụ việc:

- Vụ việc tranh chấp giữa các thành viên tại công ty TNHH Dịch vụ Văn hoá Thăng Long (tỉnh Đak Nông, trích từ Quyết định giám đốc thẩm số 10/2010/KDTM-GĐT ngày 10-8-2010 của Hội đồng thẩm phán toà án nhân dân tối cao) [7], Theo đó, bà Lê Thị Hương, ông Đỗ Quang Bích và bà Đào Thị Năm góp vốn thành lập Công ty TNHH dịch vụ văn hoá Thăng Long (gọi tắt là Công ty Thăng Long) với số vốn điều lệ 470.000.000 đồng, cụ thể các thành viên cam kết góp như sau: ông Đỗ Quang Bích góp 70.000.000 đồng; bà Đào Thị Năm góp 200.000.000 đồng; bà Lê Thị Hương góp 200.000.000 đồng. Ngày 23/4/2004 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đak Nông cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 63.02.000.022 vào ngày 23/4/2004 cho công ty Thăng Long, trong đó ông Đỗ Quang Bích giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc công ty và là người đại diện theo pháp luật của công ty. Sau khi thành lập và đi vào hoạt động, ông Đỗ Quang Bích và bà Đào Thị Năm đã không thực hiện việc góp vốn như đã cam kết, thực tế chỉ có bà Lê Thị Hương thực hiện nghĩa vụ góp vốn của mình với tổng số tiền mà bà lần lượt chuyển vào công ty trong khoảng thời gian từ ngày 4/5/2004 đến ngày 11/12/2005 là: 1.008.063.500 đồng (trong đó chuyển trực tiếp vào công ty 905.063.500 đồng tiền mặt, có chứng từ kèm theo) và công ty Thăng Long hoạt động chủ yếu với số tiền của bà Hương góp vào.

Vào các năm 2005 và 2006, do công ty kinh doanh thua lỗ, không có tiền để trả tiền hàng nên bà Hương đã chuyển tiếp vào công ty 88.000.000 đồng để công ty duy trì hoạt động (không có chứng từ). Sau một thời gian hoạt động, cho rằng ông Đỗ Quang Bích có biểu hiện không minh bạch về tài chính, chi tiêu không theo nguyên tắc kế toán nên bà Hương đã yêu cầu ông Đỗ Quang Bích lập biên bản xác định phần vốn góp của từng thành viên theo quy định của pháp luật nhưng ông Bích không thực hiện. Khi bà Hương có

đơn khiếu nại lên Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông thì ông Đỗ Quang Bích mới bổ túc hồ sơ xác nhận phần góp vốn của bà Hương là 6000.000.000 đồng. Sau đó bà Hương khởi kiện yêu cầu toà án xem xét và xác nhận phần vốn góp của bà.

Vụ việc trên là một trong số rất nhiều trường hợp mà nhà đầu tư khi thành lập công TNHH hai thành viên trở lên hành xử thiếu chuyên nghiệp trong vấn đề góp vốn và thực hiện các nghĩa vụ thực định khi góp vốn.

Tại thời điểm thành lập công ty, vốn điều lệ của công ty TNHH 2 thành viên trở lên là tổng giá trị phần vốn góp các thành viên cam kết góp vào công ty (Khoản 1 Điều 48 LDN 2014). Thành viên có nghĩa vụ phải góp đủ số lượng và đúng thời hạn như đã cam kết. Việc ông Bích và bà Năm không thực hiện góp vốn, không chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn cho công ty là vi phạm các quy định pháp luật doanh nghiệp về góp vốn (trước đó ông Bích có đưa ra lý do để biện hộ cho việc không thực hiện nghĩa vụ góp vốn là khi công ty đăng ký thành lập, các thành viên chưa thể huy động vốn trong một lần và thực tế công ty và các thành viên cũng chưa cần huy động ngay một lần với số tiền mặt như cam kết thoả thuận vào thời điểm thành lập công ty nên các thành viên tự nguyện huy động nguồn vốn theo khả năng và nhu cầu hoạt động của công ty để làm vốn kinh doanh). Rõ ràng đây là một biện minh không có cơ sở pháp lý. Bên cạnh đó, ông Bích còn vi phạm nghĩa vụ của người QLCT nói chung và người đại diện theo pháp luật của công ty nói riêng khi không thông báo tiến độ góp vốn của thành viên cho cơ quan đăng ký kinh doanh đúng thời hạn, không thực hiện việc nhân danh công ty ký và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp. Có thể thấy trong trường hợp này, ông Bích đã đặt lợi ích của cá nhân ông (với tư cách là một trong những chủ sở hữu) lên trên lợi ích công ty, hình như ông đã quên vai trò người QLCT của mình, mà chỉ nghĩ mình là chủ công ty (dù chỉ là 1 trong những chủ, đây là những sai

phạm rất thường gặp trong thực tế hoạt động của các công ty TNHH 2 thành viên, khi thành viên công ty kiêm nhiệm chức danh giám đốc). Bà Hương khởi kiện ông Bích do ông vi phạm nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, người góp vốn và yêu cầu xác nhận để cấp giấy chứng nhận phần vốn góp là phù hợp với quy định pháp luật về doanh nghiệp.

Tuy nhiên, qua hai cấp xét xử sơ thẩm và phúc thẩm, chủ yếu toà án các cấp này chỉ tuyên và xác định số vốn góp của các thành viên mà không nhắc gì tới trách nhiệm của ông Đỗ Quang Bích với tư cách là người QLCT. Vụ việc sau đó đã được Chánh án toà án nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng thẩm phán toà án nhân dân tối cao xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm theo hướng huỷ bản án sơ thẩm.

Hay một số vụ việc nổi tiếng khác như:

- Vụ việc Việt Nam Airlines bị luật sư Liberati kiện đòi bồi thường thiệt hại năm 1994 [24]. Cụ thể, năm 1994, Vietnam Airlines (VA) bị một luật sư người Italy tên là Liberati kiện đòi bồi thường thiệt hại liên quan đến một hợp đồng đại lý bán vé ký giữa VA và Falcomar - một công ty Italy, trong giai đoạn 1991-1992. Theo đơn kiện, Falcomar đã thuê ông Liberati làm một số việc có liên quan đến VA nhưng chưa thanh toán tiền công cho ông này. Tháng 3 năm 2000, Tòa sơ thẩm Roma ra phán quyết buộc VA phải bồi thường cho ông Liberati một khoản tiền tương đương với 4,3 triệu euro. Điều đáng lưu ý là VA đã không tham gia phiên tòa tại Ý mà không có lý do rõ ràng nào. Có vẻ như những người có trách nhiệm của VA đã cho rằng họ khó mà bị tác động bởi một bản án được tuyên ở nước ngoài. Hệ quả của việc này là VA không nhận được bản án và cũng không có thông tin nào liên quan đến vụ việc. Đến tháng 5 năm 2002, VA nhận được thư của ông Liberati và bản sao bản án của tòa sơ thẩm Roma, yêu cầu thanh toán 4,3 triệu euro. Lúc này

thì thời hạn kháng cáo phán quyết sơ thẩm đã hết. Vậy nhưng VA vẫn không hề có bất cứ phản ứng gì trước yêu cầu này. Tuy nhiên, mọi chuyện trở nên tồi tệ khi ủy ban Đòi nợ và Tịch biên Pháp, theo yêu cầu của ông Liberati, đã phong tỏa số tiền bán vé máy bay của VA tại Pháp để thi hành phán quyết nêu trên. Số gốc và lãi mà VA phải trả đã lên đến 5,2 triệu euro. Hệ quả là VA cuối cùng đành phải nộp đủ số tiền này vào tài khoản phong tỏa của Chủ tịch Đoàn Luật Sư Paris để thi hành bản án. Đến lúc này, VA mới bắt đầu xúc tiến các công việc pháp lý để phản tố yêu cầu của Liberati.

Có thể thấy trong trường hợp này, sự tắc trách của VA phản ánh một thực tiễn không mấy dễ chịu về sự quan liêu ở các doanh nghiệp Nhà nước. Hành vi sơ suất của những người quản lý doanh nghiệp tại VA đủ điều kiện để cấu thành một vi phạm nghĩa vụ về sự cẩn trọng của người QLCT. Tuy nhiên trên thực tế không ai trong số những người có thẩm quyền này bị xử lý vi phạm và họ cũng không phải chịu trách nhiệm cá nhân nào đối với hành vi vi phạm nêu trên mặc dù thiệt hại gây ra cho VA là rất lớn.

Ngược lại, một vụ việc khác xảy ra vào năm 2009 thể hiện sự xung đột trong hướng giải quyết của tòa án về việc người QLCT vi phạm nghĩa vụ cẩn trọng. Cụ thể, vào tháng 9 năm 2009, cơ quan điều tra ra lệnh bắt ông Lương Hoài Nam - Tổng Giám đốc của Jestar Pacific Airlines (JPA), một liên doanh hàng không giữa Vietnam Airlines và Qantas Airways [24]. Theo báo chí, ông Nam bị quy kết là thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Cụ thể, ông Nam bị tình nghi đã thiếu trách nhiệm trong điều hành, quản lý hoạt động kinh doanh của JPA khiến công ti này bị lỗ nghiêm trọng. Tiếp sau đó, hai quan chức cao cấp của JPA, cụ thể là Giám đốc điều hành và giám đốc tài chính cũng bị cấm xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trước vụ việc này, Qantas, đối tác nước ngoài của JPA, phát biểu vụ thua lỗ của JPA là hệ quả của cuộc khủng hoảng kinh doanh hàng không toàn cầu. Sau gần 10 tháng, cơ quan

điều tra quyết định đình chỉ điều tra và miễn truy cứu hình sự đối với ông Nam.

Có thể dễ thấy rằng vụ việc này đối lập với vụ VA bị luật sư Liberati kiện như vừa nêu ở trên. Ở đây, doanh nghiệp làm ăn thua lỗ vốn là một việc hết sức bình thường, những người quản lý lại chịu trách nhiệm pháp lý cho sự thua lỗ này của doanh nghiệp. Từ hai vụ việc điển hình trên có thể thấy pháp luật doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa có những quy định cụ thể về nghĩa vụ cẩn trọng của người QLCT cũng như những trường hợp nào là vi phạm nghĩa vụ này. Điều này khiến cho việc áp dụng pháp luật trên thực tế gặp khá nhiều khó khăn, mà điển hình là việc các cơ quan tố tụng áp dụng chế tài hình sự để xử lý người QLCT điều hành một công ty làm ăn thua lỗ (Jestar Pacific Airlines), nhưng lại không buộc tội những người QLCT tắc trách, gây thiệt hại lên đến hàng trăm tỉ đồng (như vụ việc của Vietnam Airlines).

- Tương tự, là một trường hợp nổi tiếng khác, vụ việc ông Phạm Thanh Bình - chủ tịch HĐQT công ty Vinashin có nhiều hành vi vi phạm, gây thiệt hại nghiêm trọng cho công ty [25]. Cụ thể, ông Phạm Thanh Bình là một lãnh đạo chủ chốt, đóng vai trò quan trọng trong vụ khủng hoảng của Tập đoàn Vinashin (nay là Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy) tại Việt Nam năm 2010. Trước khi bị đình chức, ông Bình là cá nhân giữ cùng lúc các chức vụ quan trọng nhất ở Tập đoàn Vinashin là Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc (đồng thời cũng là Bí thư Đảng ủy Tập đoàn). Một trong số nhiều sai phạm của ông Bình là việc ông này lạm dụng quyền han, bổ nhiệm người thân trong gia đình đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng trong tập đoàn. Ông Bình còn lấy vốn nhà nước trong Tập đoàn thành lập nhiều công ty con để cho người trong gia đình mình đứng tên làm đại diện như con trai Phạm Bình Minh được cử làm đại diện 10% vốn của Tập đoàn Vinashin trong CTCP kỹ thuật đóng tàu Vinashin, hoặc em trai Phạm Thanh Phong được cử làm đại diện 51% vốn

của Tập đoàn Vinashin và Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và xây dựng Vinashin tại Công ty cổ phần Vinashin - Tư vấn đầu tư.

Hành vi của ông Phạm Thanh Bình thể hiện sự thiếu trung thành xâm phạm đến lợi ích của chủ sở hữu là Nhà nước. Không trung thành là bởi vì ông đã lấy đi lợi ích của chủ sở hữu, có dấu hiệu vụ lợi cá nhân khi đưa người nhà, bổ nhiệm con trai và em ruột của mình làm đại diện phần vốn của Nhà Nước, cho họ đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng trái với quy định của Đảng và Nhà nước.

Vụ việc trên là một trong những ví dụ điển hình về việc người QLCT vi phạm nghĩa vụ trung thành với công ty khi lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để thực hiện hành vi tư lợi. Tuy nhiên, trong trường hợp này, Tòa đã không vận dụng quy định về việc người quản lý vi phạm nghĩa vụ trong Luật doanh nghiệp để xử lý mà chỉ áp dụng một điều luật khác trong Bộ luật hình sự để kết tội ông Bình với tội “cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, cũng như cho đến nay chưa thấy một cổ đông, chủ sở hữu nào của công ty này đứng ra khởi kiện ông Bình vi phạm trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý công ty và buộc bồi ông Bình bồi thường thiệt hại do vi phạm trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý công ty .

Qua vụ việc trên, chúng ta thấy phạm trù “trung thành” rõ ràng là chung chung, nghe có vẻ nghiêm khắc nhưng hiệu lực thực tế lại thì không cao. Các Tòa án và Thẩm phán Việt Nam từ trước đến nay chỉ quen với việc áp dụng những điều luật rõ ràng, cứng nhắc, trong khi nghĩa vụ trung thành thì được quy định rất trừu tượng, không có chuẩn mực cụ thể như thế nào là không trung thành, hành vi nào vi phạm nghĩa vụ trung thành và chế tài khi vi phạm là như thế nào.

Bên cạnh đó, Luật doanh nghiệp 2014 đưa ra các quy định về nghĩa vụ

của người QLCT nhưng không nêu rõ nghĩa vụ này sẽ được chấm dứt kể từ thời điểm nào. Điều này có thể dẫn đến kết luận rằng nghĩa vụ của người QLCT sẽ chấm dứt khi người này chấm dứt tư cách người QLCT. Tuy nhiên trên thực tế có những trường hợp người QLCT gây ra nhiều thiệt hại đáng kể cho công ty sau khi đã chấm dứt tư cách người QLCT mà pháp luật doanh nghiệp Việt Nam không có cơ chế xử lý thỏa đáng. Ví dụ như vụ tranh chấp tên miền “tictours.vn” giữa nguyên đơn là Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Khánh Hòa với bị đơn là Công ty TNHH Lữ hành quốc tế Tictours (Tictours Travel) [26].

Trung tâm Du lịch Tictours do ông T. làm giám đốc là đơn vị thuộc Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Khánh Hòa. Trung tâm có đăng ký tên miền “tictours.vn” tại Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC) từ tháng 10/2010. Đến ngày 30/3/2015, ông T. có văn bản xin trả tên miền “tictours.vn” với lý do không còn nhu cầu sử dụng. Ngay sau đó ông T. nghỉ việc ở Trung tâm Du lịch Tictours vào ngày 1/4/2015 thì vào ngày 2/4/2015, với tư cách Giám đốc Công ty Tictours Travel do mình mới thành lập, ông T. đã gửi văn bản xin đăng ký tên miền tictours.vn cho Công ty Tictours Travel. Sau đó Công ty Tictours Travel được VNNIC chấp thuận cho đăng ký tên miền tictours.vn. Công ty Thương mại và Đầu tư Khánh Hòa kiện Công ty Tictours Travel ra tòa, yêu cầu tòa buộc Công ty Tictours Travel trả lại tên miền “tictours.vn”.

Trong trường hợp này, rõ ràng trong thời gian đảm nhiệm chức vụ Giám đốc của Trung tâm Du lịch Tictours, ông T đã vi phạm nghĩa vụ của người QLCT mà rõ nhất là vi phạm nghĩa vụ trung thành. Cụ thể, ông T. đã trả lại tên miền “tictours.vn” khi công ty Thương mại và Đầu tư Khánh Hòa không biết. Tuy nhiên, nếu xử lý vấn đề ở một góc độ khác, thì liệu ông T còn có nghĩa vụ đối với công ty Thương mại và Đầu tư Khánh Hòa sau khi đã

ngủ việc hay không, vì sau khi nghỉ việc tại Trung tâm Du lịch Tictours, ông T. đã đăng ký tên miền tictours.vn cho Công ty Tictours Travels do ông thành lập, gây thiệt hại lớn cho công ty Thương mại và Đầu tư Khánh Hòa. Điều đáng tiếc là pháp luật doanh nghiệp Việt Nam lại không có quy định về trường hợp này.

Một trong những vướng mắc nữa đó là LDN 2014 có quy định rất chi tiết về trách nhiệm bồi thường thiệt hại và trách nhiệm hoàn trả các khoản lợi thu được của những người QLCT đối với các loại hình công ty, từ công ty trách nhiệm hữu hạn đến công ty cổ phần, lần lượt tại Khoản 5 Điều 51; Khoản 3 Điều 67; Khoản 4 Điều 86; Khoản 4 Điều 112; Khoản 3 Điều 131; Điều 133; Khoản 4 Điều 136; Khoản 3 Điều 137; Khoản 5 Điều 145; Khoản 4 Điều 149; Khoản 4 Điều 157 và Khoản 4 Điều 162. Tuy nhiên, từ nội dung các điều luật này có thể khẳng định, cũng giống như vấn đề chịu trách nhiệm dân sự nói chung, trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với việc vi phạm nghĩa vụ của người QLCT chỉ có thể phát sinh khi có thiệt hại xảy ra trên thực tế. Như vậy, một câu hỏi được đặt ra là khi đã có sự vi phạm trách nhiệm, nghĩa vụ của người QLCT nhưng thiệt hại chưa xảy ra trên thực tế thì người này có phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay không, nếu không liệu có hợp lý? Về vấn đề này thì LDN 2014 chưa đưa ra hướng xử lý. Trong khi đó, ở một số quốc gia khác vấn đề này đã được giải quyết dễ dàng thông qua các án lệ.

Và vướng mắc cuối cùng, theo tác giả là LDN 2014 không quy định rõ phạm vi chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp người QLCT vi phạm nghĩa vụ của mình. Vì vậy mà trên thực tế đã có không ít các vụ việc người QLCT vi phạm nghĩa vụ nhưng pháp luật về doanh nghiệp không có cơ chế để xác định phạm vi phải chịu trách nhiệm của người QLCT.

Từ những phân tích đối với những quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người QLCT nói chung và người QLCT trong công ty TNHH 2 thành viên nói riêng trong Luật DN 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, từ thực trạng thi hành pháp luật cho thấy, những quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người QLCT như trung thành, trung thực, cẩn trọng, hay tốt nhất ... chưa được quy định rõ ràng. Mặc dù những thuật ngữ này được xem là yêu cầu mang tính bắt buộc chung nhưng lại không được pháp luật về doanh nghiệp Việt Nam giải thích một cách cặn kẽ, chi tiết, chỉ mang tính định tính, không mang tính định lượng. Hơn nữa, trong khi luật công ty của các nước Anh, Mỹ hay Úc các nghĩa vụ về trung thành (loyalty), trung thực (good faith) hay cẩn trọng (care) được giải thích bởi án lệ và sự phán xét của Tòa án trong những trường hợp cụ thể, thì với Việt Nam, khi mà án lệ chỉ vừa mới được thừa nhận cách đây không lâu và quyền hạn của Thẩm phán bị giới hạn bởi các văn bản quy phạm pháp luật, thì những khái niệm trừu tượng như thế này đã và đang gặp nhiều khó khăn trong thực tiễn áp dụng.

2.2.2. Những sai phạm thường gặp trong quá trình thực hiện quyền và nghĩa vụ của người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên

Bên cạnh những vụ việc điển hình về vi phạm trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người quản lý công ty như nêu trên, trong thực tế những sai phạm thường gặp của người quản lý công ty nói chung và người quản lý công ty TNHH 2 thành viên nói riêng thường là vì lợi ích cá nhân mà “quên đi” các nghĩa vụ trung thành, trung thực, cẩn trọng, ... thông qua các việc như: Vi phạm trách nhiệm của người QLCT thông qua việc: Giám đốc/ tổng giám đốc lợi dụng thẩm quyền ở vị trí người QLCT của mình để tư lợi trong việc bổ nhiệm nhân sự, phân công công tác; nhận tiền hoa hồng từ các hợp đồng giao dịch với đối tác hay việc lợi dụng quá trình xử lý công việc cùng nhau tổ chức đi ăn uống, đi du lịch, thậm chí là quan hệ tình cảm, trao đổi việc làm cho

người thân, cấp học bổng du học cho người thân Vì xét về bản chất, những mối quan hệ, những giao dịch, những lợi ích như thế này cũng làm ảnh hưởng đến lợi ích của công ty, thậm chí gây thiệt hại cho công ty và thành viên công ty; Vi phạm trách nhiệm nghĩa vụ người QLCT (nghĩa vụ trung thành) thông qua các giao dịch tư lợi. Các giao dịch tư lợi xuất hiện ngày càng nhiều với nhiều hình thức khác nhau, ví dụ như: giám đốc, người đại diện pháp lý của công ty cho bố mẹ anh chị bạn bè vay tiền (của công ty) với điều kiện tín dụng dễ dàng hơn so với thị trường, GD công ty quyết định bán hàng giá rẻ hơn cho công ty khác trong đó bản thân GD hoặc bố mẹ anh chị em là cổ đông hoặc là thành viên đa số, hoặc mua từ công ty khác với giá cao hơn giá thị trường cùng loại hay người QLCT san nhượng lại thị trường, hợp đồng kinh tế hoặc tiết lộ thông tin, kết quả bỏ thầu của công ty mình cho công ty khác trong đó bản thân giám đốc hoặc bố mẹ anh chị em ruột là cổ đông đa số....

Có thể thấy, nhóm các giao dịch thường có nguy cơ bị trục lợi liên quan đến người quản lý bao gồm: giao dịch giữa công ty và bố, mẹ anh chị em ruột của người QLCT; giao dịch giữa công ty và các công ty khác trong đó người QLCT là cổ đông đa số hoặc bố mẹ anh chị em ruột của họ là cổ đông lớn hay thành viên đa số trong công ty đó... cần nhấn mạnh rằng bản thân các giao dịch này nếu được thực hiện một cách trung thực vì lợi ích cho công ty thì vẫn được xem là hợp pháp. Chúng chỉ bị coi là các giao dịch bất hợp pháp khi người xác lập giao dịch đó có ý đồ tước đi lợi ích của công ty làm lợi ích của riêng mình. Hơn nữa, nghĩa vụ này không bao gồm những giao dịch được thực hiện giữa, người QLCT với chính công ty đó, bởi vì trong trường hợp này, một nguyên tắc được đặt ra là giao dịch này phải có sự chấp thuận của Hội đồng thành viên (Điều 67 LDN 2014).

Tiểu kết chương 2

Trong Chương 2, tác giả đã nêu và phân tích thực trạng những quy định của Luật doanh nghiệp 2014 về trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người quản lý công ty TNHH 2 thành viên, đồng thời có sự kết hợp mở rộng nhắc đến những quy định về trách nhiệm của người QLCT nói chung trong các loại hình doanh nghiệp khác mà Luật doanh nghiệp 2014 có quy định.

Tác giả cũng đã làm rõ những bất cập trong quy định của Luật, những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ của người quản lý công ty nói chung và người quản lý công ty TNHH 2 thành viên nói riêng, cùng với đó là việc nêu lên một số vụ việc điển hình cho các hành vi phạm trách nhiệm, nghĩa vụ của người QLCT và những sai phạm thường gặp của người QLCT trong thực tế.

Những bất cập, vướng mắc trong chương 2 là cơ sở để tác giả trình bày những phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm của người quản lý công ty TNHH 2 thành viên trở lên trong chương 3.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN 2 THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật quy định về trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên

Từ kết quả nghiên cứu những vấn đề lý luận về trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý công ty TNHH 2 thành viên và thực trạng pháp luật về trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý công ty TNHH 2 thành viên ở trên cho thấy sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật doanh nghiệp điều chỉnh các quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người QLCT nói chung và người quản lý công ty TNHH 2 thành viên nói riêng bởi các lý do sau đây:

Thứ nhất, mặc dù Luật doanh nghiệp 2014 đã có những quy định tốt hơn về trách nhiệm, nghĩa vụ của người QLCT nói chung và người quản lý công ty TNHH 2 thành viên nói riêng so với các đạo luật doanh nghiệp trước đây. Tuy nhiên, những quy định về nghĩa vụ trung thành, trung thực và cẩn trọng vẫn còn mơ hồ, chưa thật sự rõ ràng, dẫn đến nhiều cách hiểu, vận dụng khác nhau và làm giảm hiệu lực thi hành của pháp luật. Vì vậy mà pháp luật không phát huy được vai trò điều chỉnh của mình theo những mục tiêu, định hướng ban đầu. Từ lý luận cho đến thực tiễn thi hành luật gặp nhiều vướng mắc, bất cập.

Thứ hai, trong thời gian qua đã xảy ra rất nhiều trường hợp vi phạm về trách nhiệm, nghĩa vụ của người QLCT, xâm phạm đến các quyền, lợi ích chính đáng của công ty, thành viên, chủ sở hữu công ty, gây bức xúc và làm nản lòng các nhà đầu tư, gây xôn xao dư luận và bất bình trong xã hội, làm thiệt hại đáng kể tài sản của công ty và chủ sở hữu công ty, gây ảnh hưởng

ngghiêm trọng đến nền kinh tế. Những vi phạm của người QLCT xảy ra ngày càng nhiều và mức độ vi phạm ngày càng nghiêm trọng. Đó là do các khoản lợi đem lại cho người vi phạm quá cao mà các chế tài lại thiếu hoặc không đủ mạnh, không đủ sức răn đe và ngăn ngừa.

Thứ ba, việc bảo vệ nhà đầu tư, chủ sở hữu công ty một cách đầy đủ và mang tính thực tế sẽ giúp các nhà đầu tư, cả cá nhân và tổ chức, trong và ngoài nước mạnh dạn đầu tư nguồn vốn của họ thành lập nên các doanh nghiệp mới, hoặc góp vốn vào các doanh nghiệp hiện có. Điều này sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế Việt Nam. Do đó, Pháp luật doanh nghiệp phải ngày càng hoàn thiện và khả thi hơn về bảo vệ lợi ích chính đáng của công ty và chủ sở hữu công ty. Những quy định về trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người QLCT có liên hệ chặt chẽ đến vấn đề này. Vì vậy, cần có những động thái tích cực để góp phần hoàn thiện việc bảo vệ các nhà đầu tư, chủ sở hữu, thành viên công ty, góp phần tạo môi trường pháp lý cho sự phát triển của các công ty ở Việt Nam. Do đó, cần thiết phải xây dựng những quy định pháp luật về trách nhiệm của người QLCT nói chung và người quản lý công ty TNHH 2 thành viên nói riêng ngày càng hoàn thiện, thực tế và khả thi hơn.

Tuy nhiên, trước khi đưa ra các kiến nghị cu thể, tác giả đề xuất định hướng để hoàn thiện pháp luật về vấn đề này cần đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc chủ yếu sau đây:

- Việc xây dựng và sửa đổi pháp luật trong nước phải phù hợp với pháp luật quốc tế

Trong tương lai, để pháp luật về doanh nghiệp (trong đó có quy định về trách nhiệm của người QLCT) ngày càng hoàn thiện hơn, việc sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng Luật doanh nghiệp mới chắc chắn sẽ được thực hiện. Việc xây dựng các quy định pháp luật mới và sửa đổi các quy định pháp luật

hiện hành khi đó cần phải đảm bảo sự hài hòa giữa pháp luật trong nước và pháp luật quốc tế. Điều này xuất phát từ nguyên nhân pháp luật quốc gia chịu tác động của các Điều ước quốc tế mà quốc gia đó ký kết hoặc thừa nhận.

Điểm a Khoản 1 Điều 2 Công ước Viên năm 1969 về Luật Điều ước quốc tế quy định Điều ước quốc tế là một thỏa thuận quốc tế được ký kết bằng văn bản giữa các quốc gia và được pháp luật quốc tế điều chỉnh, dù được ghi nhận trong một văn kiện duy nhất hoặc trong hai hay nhiều văn kiện có quan hệ với nhau và với bất kể tên gọi riêng của nó là gì. Điều 11 Công ước này quy định việc một quốc gia đồng ý chịu sự ràng buộc của một điều ước có thể biểu thị bằng việc ký, trao đổi các văn kiện của điều ước phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập hoặc bằng mọi cách khác được thỏa thuận. Như vậy, Điều ước quốc tế là thỏa thuận quốc tế giữa các quốc gia và nó có hiệu lực pháp lý bắt buộc đối với những quốc gia chấp thuận hoặc là thành viên của điều ước quốc tế đó.

Trong xu thế hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, Việt Nam hiện đang là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế khác nhau và Việt Nam cũng đã ký kết các điều ước quốc tế song phương và đa phương với các nước khác. Trên cơ sở đó, khi tiến hành ban hành quy phạm pháp luật mới hoặc sửa đổi các quy phạm pháp luật hiện hành thì nhà làm luật phải đảm bảo sao cho pháp luật Việt Nam không trái với những quy định trong các điều ước quốc tế này.

- Việc xây dựng và sửa đổi pháp luật phải đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ

Hiện nay, đôi khi chúng ta có thể bắt gặp trường hợp các quy định của pháp luật về cùng một vấn đề nhưng lại được điều chỉnh bởi nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau. Tuy nhiên, các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật này lại chồng chéo, mâu thuẫn lẫn nhau; thỉnh thoảng lại có

trường hợp các văn bản có hiệu lực pháp lý thấp hơn lại quy định trái với các văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn, và còn nhiều các bất cập khác nữa trong các văn bản quy phạm pháp luật nói chung và trong các văn bản pháp luật về doanh nghiệp nói riêng. Thực trạng này không chỉ gây khó khăn cho các đối tượng chịu sự điều chỉnh trực tiếp của pháp luật, mà còn gây ra không ít phiền hà cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc áp dụng pháp luật, đặc biệt là gây khó khăn cho Tòa án trong việc xét xử.

Vì vậy, khi xây dựng hoặc sửa đổi các quy định của pháp luật liên quan đến trách nhiệm, nghĩa vụ người QLCT nói chung và trách nhiệm, nghĩa vụ người quản lý công ty TNHH 2 thành viên nói riêng thì phải đảm bảo được tính đồng bộ và thống nhất của pháp luật, tránh tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn về mặt nội dung. Khi xây dựng và sửa đổi các quy phạm pháp luật phải đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, các văn bản có giá trị pháp lý thấp hơn phải tuân theo và không được quy định nội dung trái với các văn bản có giá trị pháp lý cao hơn.

- Việc xây dựng và sửa đổi pháp luật phải đảm bảo tính khả thi trong thực tế

Việc thực thi, áp dụng pháp luật có vai trò không kém phần quan trọng so với việc quy định và ban hành pháp luật. Tuy nhiên trên thực tế, có nhiều trường hợp quy phạm pháp luật chỉ là những quy định chuẩn về mặt lý thuyết, tính khả thi rất thấp, hoặc được xây dựng dựa trên nhận thức chủ quan của các nhà làm luật. Vì vậy, quá trình ban hành và sửa đổi các quy phạm pháp luật không những phải dựa trên cơ sở lý luận mà còn phải dựa trên cơ sở thực tiễn để đảm bảo các quy định của pháp luật nói chung, pháp luật về doanh nghiệp nói riêng (trong đó có pháp luật về trách nhiệm của người quản lý công ty TNHH 2 thành viên) được thực thi, áp dụng một cách hiệu quả trên thực tế.

3.2. Giải pháp hoàn thiện và bảo đảm thực hiện hiệu quả pháp luật về trách nhiệm của người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm của người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên

Dựa vào các nguyên tắc trong định hướng nêu trên, tác giả đề ra những kiến nghị cụ thể sau đây để góp phần hoàn thiện hơn pháp luật doanh nghiệp về trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý công ty TNHH 2 thành viên trở lên:

- Về nghĩa vụ trung thành, trung thực

Như đã trình bày và phân tích ở trên, hiện nay các quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ “trung thành, trung thực” của người quản lý công ty nói chung, công ty TNHH 2 thành viên nói riêng trong Luật doanh nghiệp 2014 chưa được quy định một cách “định lượng”, còn mang tính chung chung. Cho đến nay, chưa có sự hướng dẫn giải thích về khái niệm “trung thành, trung thực”, thế nên trong thực tế, mỗi người có liên quan sẽ suy diễn một cách khác nhau về “trung thành, trung thực”.

Trong khi ở một số quốc gia trên thế giới, thì người QLCT được bảo vệ trước pháp luật nếu họ chứng minh được là đã hành động một cách trung thành theo cách mà họ cho rằng như vậy là tốt nhất cho lợi ích của công ty, bên cạnh đó còn có sự giải thích từ phía Tòa án.

Vì vậy, Luật doanh nghiệp cần quy định rõ hơn và cụ thể về trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý công ty, đặc biệt là các nghĩa vụ trung thành, trung thực, quy định chế tài đối với hành vi vi phạm nghĩa vụ trung thành, trung thực. Nên chăng, bổ sung thêm một khoản vào Điều 4 - điều giải thích từ ngữ, giải thích rõ hơn thế nào là “trung thành”. Chẳng hạn, có thể bổ sung: “Trung thành với công ty là luôn hành động trước nhất và tốt nhất vì lợi

ích công ty trong mọi hoàn cảnh và phải chứng minh được điều này”. Với việc quy định rõ ràng, định lượng hơn như thế, cùng với việc vừa qua Việt Nam chúng ta đã chính thức thừa nhận án lệ, điều này chắc chắn sẽ giúp cho việc thực thi, áp dụng pháp luật về trách nhiệm, nghĩa vụ của người QLCT được trở nên khả thi và thực tế hơn. Vì vậy, chúng ta cần đẩy mạnh việc áp dụng án lệ và cho phép các Tòa có quyền giải thích và áp dụng pháp luật, linh hoạt hơn, sáng tạo hơn trong quá trình xét xử các vụ việc liên quan đến người QLCT.

- Về quy định nghĩa vụ “cẩn trọng”

Như đã nêu và phân tích ở trên, pháp luật doanh nghiệp Việt Nam (LDN 2014 và các văn bản hướng dẫn) thiếu vắng các quy định chi tiết về khái niệm và phạm vi nghĩa vụ “cẩn trọng” của người QLCT nói chung và người quản lý công ty TNHH 2 thành viên nói riêng, khiến cho việc thực thi pháp luật trên thực tế gặp phải không ít khó khăn. Xuất phát từ lý do này, LDN 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành nên quy định một cách cụ thể hiểu như thế nào là “cẩn trọng” và phạm vi của nghĩa vụ này như thế nào. Chúng ta có thể tham khảo pháp luật của các quốc gia khác, chẳng hạn pháp luật Anh với quy định như sau:

“Nghĩa vụ cẩn trọng và tận tụy sẽ được thực hiện bởi một người “cẩn trọng một cách hợp lý” với:

- Kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm chung (có thể mong đợi một cách hợp lý) của một người thực hiện các chức năng của giám đốc;
- Kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm chung mà giám đốc đó có.”

Ngoài ra, trong các án lệ, các thẩm phán đã đưa ra nguyên tắc rằng sự cẩn trọng hợp lý của một giám đốc công ty phải được hiểu là sự cẩn trọng mà một người bình thường có trong cùng một hoàn cảnh như vậy; và giám đốc

phải giữ liên lạc chặt chẽ với các vấn đề của công ty để phát hiện và giải quyết kịp thời bất cứ yếu tố nào có thể có tác động đáng kể đến tình trạng tài chính, kinh doanh hoặc tài sản của công ty.

Trở lại với pháp luật Việt Nam, Thông tư 121 trước đây (áp dụng đối với công ty cổ phần) cũng đã đề cập đến việc làm rõ hơn khái niệm nghĩa vụ cẩn trọng của người QLCT được quy định trong LDN 2005, cụ thể là thành viên HĐQT, GD/TGD và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thực hiện các nhiệm vụ của mình “với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự”. Như vậy, Thông tư 121 trước đây đã có một sự tiếp thu nhất định từ pháp luật Anh về nghĩa vụ này. Nhưng hiện nay Thông tư 121 đã hết hiệu lực và Nghị định 71/2017/NĐ-CP thay thế Thông tư 121 chưa đưa ra hướng giải thích cho nghĩa vụ cẩn trọng.

Bên cạnh đó, có một thực tế trước đây và cả bây giờ, pháp luật Việt Nam chỉ ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết về quản trị công ty (trong đó có quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người QLCT) áp dụng đối với công ty đại chúng, nhưng lại không hề có văn bản hướng dẫn chi tiết nào để hướng dẫn chi tiết về quản trị đối với công ty TNHH 2 thành viên. Phải chăng pháp luật Việt Nam chưa đánh giá đúng mức tầm quan trọng về việc triển khai công tác quản trị, trong đó có vấn đề trách nhiệm của người quản lý công ty TNHH 2 thành viên trở lên?

Trong tương lai, pháp luật doanh nghiệp nên bổ sung quy định về nghĩa vụ cẩn trọng trong luật hoặc trong các văn bản hướng dẫn luật. Cụ thể, LDN 2014 có thể bổ sung thêm một khoản vào Điều 4 - điều giải thích từ ngữ, như sau: “Nghĩa vụ của người QLCT được thực hiện với mức độ cẩn trọng ít nhất bằng với mức độ cẩn trọng mà một người bình thường phải có

khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự”. Việc bổ sung quy định này chỉ dừng lại ở mức độ khái quát vì phạm vi của sự cẩn trọng còn phải phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể, và điều này sẽ phụ thuộc nhiều vào việc xét xử của các thẩm phán trên thực tế. Việc này đã phân nào trở nên dễ dàng hơn đối với các thẩm phán vì hiện nay khi mà việc áp dụng án lệ đã được chính thức thông qua thì các thẩm phán ở Việt Nam có thể sử dụng án lệ để xử lý từng trường hợp vi phạm trách nhiệm, nghĩa vụ người QLCT dựa trên các bản án đã có trước đó.

- Về nghĩa vụ của người QLCT sau khi họ đã chấm dứt tư cách người QLCT

Pháp luật doanh nghiệp nên có quy định về nghĩa vụ của người QLCT nói chung và người quản lý công ty TNHH 2 thành viên nói riêng sau khi họ đã chấm dứt tư cách người QLCT, vì như đã đề cập, trên thực tế có nhiều trường hợp người QLCT gây ra nhiều thiệt hại đáng kể cho công ty sau khi đã chấm dứt tư cách người QLCT nhưng pháp luật doanh nghiệp Việt Nam lại không có cơ chế xử lý, ví dụ như vụ tranh chấp tên miền tictours.vn nêu trên.

Luật công ty ở một số quốc gia khác, trong đó có Luật công ty Anh quy định người QLCT vẫn phải có nghĩa vụ pháp lý đối với công ty sau khi đã chấm dứt tư cách người QLCT về mặt luật pháp. Cụ thể, Khoản 2 Điều 170 CA 2006 quy định một người không còn giữ chức vụ giám đốc vẫn tiếp tục là chủ thể của:

- (a) nghĩa vụ được quy định tại Điều 175 (nghĩa vụ tránh xung đột lợi ích) liên quan đến việc khai thác bất kỳ tài sản, thông tin hoặc cơ hội nào mà anh ta đã biết vào thời điểm anh ta làm giám đốc công ty, và
- (b) nghĩa vụ được quy định tại Điều 176 (nghĩa vụ không chấp nhận lợi ích từ bên thứ ba) đối với những việc đã làm hoặc đã không được làm

tròn trước khi anh ta ngừng làm giám đốc.

Pháp luật doanh nghiệp Việt Nam nên bổ sung quy định về việc một người QLCT nói chung và người quản lý công ty TNHH 2 thành viên nói riêng vẫn có nghĩa vụ đôi với công ty sau khi đã chấm dứt tư cách người quản lý công ty liên quan đến việc khai thác tài sản, thông tin hoặc cơ hội mà người này đã biết vào thời điểm người này giữ chức vụ quản lý công ty vào luật hoặc các văn bản hướng dẫn luật, để tránh tình trạng người QLCT gây thiệt hại cho công ty sau khi đã chấm dứt tư cách người QLCT như vụ tranh chấp tên miền tictours.vn nêu trên.

- Về căn cứ xác định trách nhiệm của người QLCT.

Pháp luật doanh nghiệp nên có quy định về căn cứ xác định trách nhiệm của người QLCT. Như đã phân tích trong phần trên, cũng như những quy định về trách nhiệm dân sự nói chung, LDN 2014 quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với việc vi phạm nghĩa vụ của người QLCT chỉ có thể phát sinh khi có thiệt hại xảy ra trên thực tế.

Tuy nhiên, theo tác giả, việc quy trách nhiệm cho người QLCT ngay cả trong trường hợp không có thiệt hại cho công ty có lẽ hợp lý hơn. Bởi vì, luật pháp quy định trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ cho người QLCT là để họ thực hiện tốt nhiệm vụ tương ứng với vị trí của mình nhằm đem lại hiệu quả tốt nhất cho công ty. Khi người QLCT vi phạm trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của mình thì họ phải gánh chịu trách nhiệm với công ty, không kể đến việc có hay không có thiệt hại xảy ra cho công ty, để mở rộng phạm vi chịu trách nhiệm của người QLCT nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.

Vì vậy, pháp luật doanh nghiệp Việt Nam nên bổ sung quy định về về căn cứ xác định trách nhiệm của người QLCT. Cụ thể, luật hoặc các văn bản hướng dẫn luật nên quy định về việc người QLCT phải chịu trách nhiệm

khi có hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Trách nhiệm này của người QLCT sẽ phát sinh khi có sự vi phạm quyền và nghĩa vụ, không kể có hay không có thiệt hại xảy ra trên thực tế. Và tất nhiên, vì không dựa vào thiệt hại thực tế xảy ra hay chưa nên việc chịu trách nhiệm không chỉ là bồi thường về vật chất, tài chính mà có thể dưới nhiều hình thức khác như chấm dứt hành vi vi phạm, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ dân sự, xin lỗi, cải chính công khai về vi phạm ... và luật cũng cần quy định cho phép chủ sở hữu, thành viên công ty được quyền yêu cầu Tòa án bãi miễn chức danh quản lý hoặc cấm người QLCT đảm nhận chức vụ trong một thời gian, tránh trường hợp chỉ bồi thường hay xin lỗi, cải chính ...; hoặc cho phép công ty có quyền dùng bản án của Tòa án như một cơ sở pháp lý để bãi miễn những người QLCT vi phạm trách nhiệm, nghĩa vụ.

- Về phạm vi chịu trách nhiệm đối với việc vi phạm nghĩa vụ của người QLCT

Pháp luật doanh nghiệp nên có quy định về phạm vi chịu trách nhiệm đối với việc vi phạm trách nhiệm, nghĩa vụ của người QLCT. Hiện nay Luật doanh nghiệp 2014 không quy định rõ phạm vi chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp người QLCT vi phạm trách nhiệm, nghĩa vụ của mình. Như chúng ta biết, trong tất cả các vấn đề, việc xác định rõ giới hạn, định lượng phạm vi cụ thể sẽ giúp vấn đề được thực hiện một cách thiết thực và hiệu quả hơn.

Như vậy, pháp luật doanh nghiệp nên bổ sung quy định về phạm vi chịu trách nhiệm đối với việc vi phạm nghĩa vụ của người QLCT, cụ thể nên là quy định về việc phạm vi chịu trách nhiệm của người QLCT giới hạn trong những tổn thất gây ra từ sự vi phạm nghĩa vụ và khoản bồi thường thiệt hại bao gồm cả những lợi nhuận có được từ sự vi phạm nghĩa vụ này.

3.2.2. Giải pháp bảo đảm thực hiện hiệu quả pháp luật về trách nhiệm của người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên

Song song việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về trách nhiệm của người quản lý công ty, việc hoàn thiện các giải pháp để đưa những quy định này đi vào thực tế, đảm bảo hiệu quả thực thi của nó trong quá trình vận hành của các doanh nghiệp, công ty cũng là một vấn đề cực kỳ quan trọng.

Dựa trên những phân tích trong định hướng hoàn thiện pháp luật ở phần trên, tác giả đề xuất một số giải pháp sau để bảo đảm thực hiện hiệu quả pháp luật về trách nhiệm của người quản lý trong công ty TNHH 2 thành viên trở lên trong thực tế:

- *Thúc đẩy nhanh hơn nữa việc áp dụng án lệ, thừa nhận vai trò của án lệ trong công tác xét xử*, cho phép Tòa giải thích các thuật ngữ trung thành, trung thực, cẩn trọng và áp dụng tương tự pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho Tòa án trong việc linh hoạt giải quyết những trường hợp người quản lý công ty nói chung và người quản lý công ty TNHH 2 thành viên nói riêng vi phạm các nghĩa vụ của người quản lý.

Như đã nói, từ thực tế luật pháp của các quốc gia khác về vấn đề trách nhiệm của người quản lý công ty đã cho thấy, bên cạnh sự quy định chi tiết, rõ ràng và định lượng hơn về vấn đề này trong luật và các văn bản hướng dẫn thì vẫn cần phải có sự kết hợp đồng bộ với việc áp dụng án lệ trong thực tế xét xử thì những quy định về trách nhiệm của người QLCT mới thực tế đi vào cuộc sống. Bởi lẽ xét cho cùng, quy định về trách nhiệm của người QLCT một cách định lượng ở mức độ hoàn hảo là vô cùng khó khăn, vì vậy việc áp dụng những bản án đã được xem là khuôn mẫu để giải quyết những vụ việc có tính chất tương tự sau này sẽ giúp cho việc đưa những quy định của pháp luật về trách nhiệm của người QLCT vào thực tế cuộc sống dễ dàng hơn. Ở Việt

Nam chúng ta, vào năm 2015, Việt Nam đã chính thức thể chế hóa việc áp dụng án lệ.

Cụ thể, Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2014 và Nghị quyết số 03/2015/NQ- HĐTP về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã chính thức cho phép việc áp dụng án lệ khi xét xử. Điều này giúp cho các thẩm phán dễ dàng hơn trong việc xử lý các trường hợp vi phạm khi mà những quy định về nghĩa vụ người QLCT còn chưa được quy định một cách rõ ràng bởi các văn bản pháp luật về doanh nghiệp. Mặc dù vậy, chúng ta vẫn sẽ phải mất một thời gian tương đối dài mới có thể áp dụng án lệ trên thực tế. Bởi vì, một bản án phải đáp ứng đủ điều kiện được quy định trong Điều 2 Nghị quyết 03/2015/NQ- HĐTP thì mới có thể trở thành án lệ. Sau đó, cần phải phải trải qua một quá trình dài bao gồm rà soát, phát hiện bản án để đề xuất phát triển thành án lệ; lấy ý kiến đối với bản án đó; thông qua án lệ và bản án này chỉ trở thành án lệ khi được công bố bởi Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Chưa hết, Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 03/2015/NQ- HĐTP quy định khi xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm phải nghiên cứu, áp dụng án lệ để giải quyết các vụ việc tương tự, bảo đảm những vụ việc có tình tiết, sự kiện pháp lý giống nhau phải được giải quyết như nhau. Tức là, khi một thẩm phán muốn áp dụng án lệ, thì phải dựa vào án lệ có tình tiết tương tự trước đó để áp dụng. Điều này có nghĩa thậm chí khi ta đã có rất nhiều án lệ, thì chưa hẳn một thẩm phán có thể áp dụng những án lệ này khi xét xử, mà phải chờ đến khi có một án lệ có tình tiết tương tự với vụ việc đang xem xét thì thẩm phán mới được áp dụng.

Vậy rõ ràng vẫn sẽ phải cần một thời gian dài để có thể áp dụng án lệ trên thực tế. Vì thế, để khoảng thời gian này được rút ngắn lại, tạo một nền tảng án lệ nói chung và án lệ xử lý tranh chấp trong lĩnh vực doanh nghiệp nói riêng như ở các nước khác, chúng ta cần đẩy nhanh hơn nữa tiến trình áp

dụng án lệ trong xét xử đồng thời với việc sửa đổi, bổ sung những quy định của pháp luật về trách nhiệm, nghĩa vụ của người QLCT theo hướng cụ thể, rõ ràng và định lượng hơn. Bởi lẽ, như ở các quốc gia thừa nhận án lệ từ lâu, các thẩm phán có rất nhiều án lệ để áp dụng nên họ có thể giải quyết được hầu hết các vấn đề liên quan đến trách nhiệm, nghĩa vụ của người QLCT.

- *Nâng cao vai trò, vị trí của Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ công ty.*

Các công ty cũng cần chú trọng việc quy định về trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người QLCT trong Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ công ty. Một trong những nguyên nhân dẫn đến việc quản trị công ty không hiệu quả, người QLCT có ý xâm phạm quyền, lợi ích công ty, thành viên công ty là do các công ty không sử dụng hiệu quả các công cụ pháp lý, không chú trọng xây dựng Điều lệ công ty và Quy chế quản trị nội bộ.

Một bản Điều lệ công ty chặt chẽ, rõ ràng sẽ thúc đẩy tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong hoạt động điều hành công ty, bảo vệ được quyền lợi của các chủ sở hữu, thành viên công ty. Pháp luật đã cho phép và tạo điều kiện cho các công ty được tự quyết trong việc cụ thể hóa các quy định của luật; thậm chí có thể đưa ra những quy định mới mà luật không điều chỉnh (nhưng không trái với nguyên tắc cơ bản của LDN). Vậy nhưng thực tế, nhiều công ty lại không coi trọng điều này. Nhiều bản Điều lệ được xây dựng cho có, chiếu lệ, chung chung, không rõ ràng, đơn thuần sao chép lại quy định của Luật và copy Điều lệ của công ty khác. Vì vậy, cần nâng cao hơn nữa vai trò của Điều lệ và Quy chế quản trị công ty. Đặc biệt, để đảm bảo trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người quản lý được thực hiện nghiêm chỉnh, các công ty cần quan tâm đến các quy định về giám sát điều hành; vấn đề bảo vệ quyền lợi của công ty, thành viên công ty; các biện pháp bảo vệ chống xung đột về lợi ích, giao dịch nội gián, giao dịch tư lợi, chế độ công bố thông tin kịp thời

... trong bản Điều lệ của mình. Từ đó tạo ra khuôn khổ pháp lý và ràng buộc đối với giám đốc, người đại diện pháp lý công ty và các nhà quản lý khác.

- Nâng cao hơn nữa vai trò và thẩm quyền của Ban kiểm soát và công tác kiểm toán nội bộ.

Với các chức năng được quy định trong Luật doanh nghiệp và Điều lệ của công ty, Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát Chủ tịch HĐQT, Giám đốc và các thành viên trong Ban giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính cũng như thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và định kỳ của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Chủ tịch HĐQT. BKS được xem là một cơ chế phù hợp để các thành viên bảo vệ mình.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều công ty TNHH 2 thành viên chưa nhận thức và đánh giá đúng vị trí và vai trò của BKS. Họ hoặc không thành lập ban kiểm soát (pháp luật cho phép điều này, nếu công ty có dưới 11 thành viên) hoặc nếu bắt buộc thành lập theo quy định của pháp luật (Công ty có từ 11 thành viên trở lên) thì ban kiểm soát một số công ty đã không thể hiện đầy đủ vai trò bảo vệ thành viên công ty. Do đó, rủi ro mà các thành viên phải gánh chịu từ “sự lép vế” của BKS là rất lớn.

Vì vậy, pháp luật cần có những quy định nâng cao hơn nữa thẩm quyền và vai trò của BKS trong việc kiểm tra, giám sát các hoạt động nội bộ của công ty TNHH 2 thành viên. Hoạt động của BKS cần được điều chỉnh bởi một khung pháp lý rõ ràng hơn, đồng thời chính các thành viên phải hiểu rõ và sử dụng vai trò của BKS một cách thông minh và phù hợp. Ngoài ra, khi được các thành viên tin tưởng và trao quyền, BKS phải có đủ khả năng và dũng khí thực thi nhiệm vụ, các báo cáo của BKS phải thể hiện được tính độc

lập và chính xác.

- *Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến, áp dụng pháp luật về* doanh nghiệp, trong đó có quy định về trách nhiệm của người QLCT, đặc biệt là những quy định mới về nội dung này so với trước đây đến các đối tượng có liên quan, từ công ty, chủ sở hữu công ty và người quản lý công ty. Ví dụ như quyền khởi kiện của chủ sở hữu, thành viên công ty khi người QLCT vi phạm trách nhiệm, nghĩa vụ của người QLCT. Trước đây quyền khởi kiện khi người QLCT vi phạm nghĩa vụ không hề được quy định trong Luật doanh nghiệp 2005, mà chỉ được quy định trong Nghị định hướng dẫn thi hành luật (Nghị định 102/2010/NĐ-CP). Hiện nay, Luật doanh nghiệp 2014 đã có những điều khoản cụ thể quy định quyền khởi kiện này. Việc tạo điều kiện để chủ sở hữu, thành viên công ty thực hiện quyền khởi kiện đối với người QLCT là công cụ có tác dụng răn đe người QLCT phải thực hiện đúng các trách nhiệm, nghĩa vụ của mình, nhằm bảo vệ lợi ích chính đáng của công ty và chủ sở hữu công ty, giúp cho môi trường quản trị công ty trở nên minh bạch hơn. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có nhiều chủ sở hữu công ty vận dụng quyền khởi kiện này. Hơn nữa, nếu pháp luật đã ghi nhận quyền khởi kiện của chủ sở hữu, thành viên công ty thì cũng cần quy định thêm trách nhiệm chi trả các chi phí liên quan. Nên chăng, cần có quy định buộc bên thua kiện - tức là những người QLCT khi có sai phạm phải hoàn trả lại các chi phí mà thành viên công ty đã bỏ ra để theo đuổi vụ kiện. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi và động lực hơn cho thành viên công ty khi thực hiện quyền khởi kiện.

Vì vậy, Nhà nước cần có phương pháp, cách thức hiệu quả để tuyên truyền, nâng cao ý thức pháp luật cho cộng đồng doanh nghiệp cũng như tạo điều kiện để mọi người trong cộng đồng doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các văn bản pháp luật kinh tế; giúp họ có nhận thức đúng đắn về các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ và lợi ích chính đáng của mình. Bên cạnh phương thức tuyên

truyền phổ biến pháp luật theo kiểu truyền thống, các bộ, ngành, địa phương cần tiếp tục đẩy mạnh những đổi mới như: Xây dựng trang tuyên truyền pháp luật trên mạng xã hội facebook để giải đáp các thắc mắc của mọi người về pháp luật kinh doanh nói chung, pháp luật về doanh nghiệp nói riêng; tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu Luật Doanh nghiệp 2014” ...; Bên cạnh đó, bản thân các doanh nghiệp phải luôn kịp thời cập nhật các thông tin, văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước quy định cho các doanh nghiệp để thực hiện đúng quy định của pháp luật và điều hành công ty được tốt, đảm bảo được quyền lợi ích chính đáng cho tất cả các bên, doanh nghiệp, người QLCT, chủ sở hữu, thành viên công ty.

KẾT LUẬN

Trong quá trình vận hành của doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH 2 thành viên nói riêng, người quản lý công ty giữ vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong sự phát triển của công ty.

Luận văn này đã phân tích và làm rõ định nghĩa, vị trí, vai trò của người quản lý công ty TNHH 2 thành viên, cũng như trình bày và phân tích trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người quản lý công ty TNHH 2 thành viên trở lên. Bên cạnh đó, luận văn cũng đã khẳng định Luật doanh nghiệp 2014 có nhiều tiến bộ trong việc quy định về trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ người QLCT nói chung và người quản lý công ty TNHH 2 thành viên nói riêng so với các đạo Luật doanh nghiệp trước đây, đã góp phần nhất định vào việc nâng cao hiệu quả quản trị công ty, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của công ty và thành viên công ty ở Việt Nam.

Tuy nhiên, những quy định về nghĩa vụ của người QLCT trong Luật DN 2014 vẫn còn có hạn chế, thiếu sót nhất định. Những phạm trù trách nhiệm, nghĩa vụ như trung thành, trung thực hay cẩn trọng, tốt nhất chưa được quy định cụ thể, mang tính định tính, khó xác định trong thực tiễn, từ đó khó đi vào cuộc sống. Việc áp dụng và thực thi các quy định về nghĩa vụ của người QLCT gặp nhiều khó khăn cho chính những người làm công tác quản lý, cho các doanh nhân và cho cả Tòa án trong việc xem xét và xử lý các vụ việc vi phạm của người quản lý công ty. Bên cạnh đó, nhiều công ty còn xem nhẹ vai trò của Điều lệ và qui chế quản trị nội bộ thể hiện ở việc không có các quy định cụ thể trong Điều lệ và Qui chế quản trị nội bộ về nghĩa vụ của người QLCT ngoài những qui định của Luật DN 2014.

Vì vậy, trên cơ sở lý luận, phân tích các quy định của pháp luật hiện hành và những hành vi vi phạm của người QLCT trong thực tiễn, với mong muốn góp phần hoàn thiện các quy định của Luật doanh nghiệp về trách

nhệm, nghĩa vụ của người QLCT, cụ thể là người quản lý công ty TNHH 2 thành viên nhằm hạn chế đến mức thấp nhất hành vi vi phạm của những người này, Luận văn đã đưa ra một số kiến nghị. Theo đó, Luật doanh nghiệp cần quy định rõ hơn, chi tiết, cụ thể và định lượng hơn về nghĩa vụ trung thành, trung thực và cẩn trọng, tốt nhất; đẩy mạnh tiến trình áp dụng án lệ trong công tác xét xử các vụ kiện khi người QLCT vi phạm nghĩa vụ, nâng cao hơn nữa vai trò của Điều lệ và Quy chế quản trị trong các công ty, nâng mức chế tài đối với các hành vi vi phạm nghĩa vụ của người QLCT, nâng cao hơn nữa vai trò và thẩm quyền của Ban kiểm soát trong các công ty.

Với những kiến nghị đề ra, tác giả mong muốn góp phần hoàn thiện hơn các quy định của pháp luật doanh nghiệp Việt Nam về trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên, để những chủ thể này nhận thức rõ hơn tầm quan trọng trong việc quản lý công ty, nhận thức rõ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình nhằm làm tăng hiệu quả hoạt động của công ty, đồng thời giúp các thẩm phán có được cơ sở vững chắc hơn khi xử lý các hành vi vi phạm.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2012) *Thông tư số 121/2012/TT-BTC quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng*, ban hành ngày 26/7/2012, Hà Nội.
2. Chính phủ (2010) *Nghị định số 102/2010/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều Luật doanh nghiệp 2005*, ban hành ngày 01/10/2010, Hà Nội.
3. Chính phủ (2017) *Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng*, ban hành ngày 06/06/2017, Hà Nội.
4. Công ước Viên (1969) *Công ước Viên về Luật điều ước quốc tế*, ngày 23/5/1969, có hiệu lực ngày 27/1/1980, <<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Cong-uoc-Vien-Luat-Dieu-uoc-quoc-te-23-05-1969-27-01-1980-86933.aspx>>, (15/6/2018).
5. Bùi Xuân Hải (2005) “Người quản lý công ty theo Luật doanh nghiệp 1999 – Nhìn từ góc độ Luật so sánh”, Tạp chí *khoa học pháp lý*, số 4, tr.14-20.
6. Hà Trọng Hải (2012) “Lý luận chung về tổ chức quản lý bộ máy doanh nghiệp”, <<http://voer.edu.vn/content/coll0336/latest/>>, (8/6/2018).
7. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2010) *Quyết định giám đốc thẩm số 10/2010/KDTM-GĐT*, ban hành ngày 10/8/2010, Hà Nội.
8. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2015) *Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐTP về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ*, ban hành ngày 28/10/2015, Hà Nội.
9. Quốc hội (2005) *Luật doanh nghiệp 2005*, ban hành ngày 29/11/2005, Hà Nội.
10. Quốc hội (2014) *Luật doanh nghiệp 2014*, ban hành ngày 26/11/2014, Hà Nội.
11. Quốc hội (2014) *Luật tổ chức Tòa án nhân dân*, ban hành ngày 24/11/2014, Hà Nội.
12. Quốc hội (2015) *Bộ luật dân sự 2015*, ban hành ngày 24/11/2015, Hà Nội.

13. Nguyễn Thị Thanh (2016) “Người đại diện theo pháp luật”, <<http://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/phap-luat-kinh-te.aspx?ItemID=147>>, (15/6/2018).
14. Phan Thị Ngọc Thuận (2005) *Quản trị học đại cương*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
15. Nguyễn Thị Hoài Thương (2017) *Nghĩa vụ của người quản lý công ty trong pháp luật Anh và kinh nghiệm cho Việt Nam*, Khoá luận tốt nghiệp cử nhân, Trường Đại học luật TP. HCM.
16. Phạm Thế Tri (2007) *Quản trị học*, Nxb Đại học Quốc gia TP. HCM, TP. HCM.
17. Trường Đại học kinh tế quốc dân (1999) *Giáo trình khoa học quản lý*, tập 1, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
18. Trường Đại học kinh tế quốc dân (2007) *Giáo trình khoa học quản lý*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
19. Từ điển bách khoa toàn thư Việt Nam, <<http://dictionary.bachkhoatoanthu.gov.vn/default.aspx?param=14B4aWQ9MTk0MzYmZ3JvdXBpZD0xMCZraW5kPSZrZXl3b3JkPQ==&page=6/>>, (8/6/2018).
20. Từ điển tiếng Việt, <http://tratu.soha.vn/dict/vn_vn/Ngh%C4%A9a_v%E1%BB%A5A>, (8/6/2018).
21. Nguyễn Thị Thái Vân (2010) *Nghĩa vụ của người quản lý công ty theo Luật doanh nghiệp 2005 thực trạng và . . . iện*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật TP. HCM.
22. Viện ngôn học, Trung tâm Từ điển học (2002), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.

23. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1998) *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.
24. <<http://vietnamlawgate.wordpress.com/2015/09/15/bon-phan-cua-nguoi-nhan-uy-thac-mot-vai-suy-nghi-phan-1/>>, (15/6/2018).
25. <https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%Alm_Thanh_B%C3%ACnh>, (15/6/2018).
26. <<http://www.thesaigontimes.vn/146580/Vu-tranh-chap-ten-mien-tictoursvn-Luat-co-thuc-su-co-ke-ho.html>> , (15/6/2018).
27. Commonwealth of Australia (2001), *The Corporations Act 2001*.
28. Kingdom of England (1985), *The Companies Act 1985*.
29. Kingdom of England (2006), *The Companies Act 2006*
30. United States Of America (2002), *The Model Business Corporations Act, MBCA, revisions in 2002*.